

TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3703000280 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 01 tháng 08 năm 2007)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết số/ĐKNY do Giám đốc Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội cấp ngày tháng năm)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

1. Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 4

✓ Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – Nha Trang – Khánh Hòa
Điện thoại: (84.58) 220405 Fax: (84.58) 220400

2. Trụ sở chính Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - SSI

✓ Số 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84.8) 8242897 Fax: (84.8) 8247430

3. Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội

✓ 1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: (84.4) 9366 321 Fax: (84.4) 9366 318

4. Chi nhánh Công ty Chứng khoán Sài Gòn tại Hải Phòng

✓ 22 Lý Tự Trọng, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng
Điện thoại: (84.31) 3569123 Fax: (84.31) 3569130

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Trần Thị Hằng Chức vụ: Thư ký Công ty
Số điện thoại: (84.58) 220405 Fax: (84.58) 220400

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4



(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3703000280 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 01 tháng 08 năm 2007)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4
Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng niêm yết: 2.750.000 cổ phiếu
Tổng giá trị niêm yết: 27.500.000.000 đồng (tính theo mệnh giá)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty Kiểm toán Việt Nam

✓ Số 8 Phạm Ngọc Thạch, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 8524123

Fax: (84.4) 8524143

Công ty THHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)

1. Trụ sở chính

✓ Số 229 Đồng Khởi, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 8272295

Fax: (84.8) 8272300

2. Chi nhánh ở Hà Nội

✓ Số 877 Hồng Hà, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 9324133

Fax: (84.4) 9324113

3. Chi nhánh ở Nha Trang – Khánh Hòa

✓ Địa chỉ: 18 Trần Khánh Dư, Thành phố Nha Trang - tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại: (84.58) 876 555

Fax: (84.58) 875 327

4. Chi nhánh ở Cần Thơ

- ✓ Địa chỉ: 162C/4 Trần Ngọc Quế, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ
Điện thoại: (84.71) 764995 Fax: (84.71) 764996

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)

1. Trụ sở chính

- ✓ Số 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84.8) 8242897 Fax: (84.8) 8247430
Email: ssi@ssi.com.vn Website: www.ssi.com.vn

2. Chi nhánh Nguyễn Công Trứ - Công ty Chứng khoán Sài Gòn

- ✓ 180-182 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84.8) 821567 Fax: (84.8) 2910590

3. Chi nhánh Công ty Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội

- ✓ 1C Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội
ĐT: (84.4) 9366321 Fax: (84.4) 9366311

4. Chi nhánh Trần Bình Trọng – Công ty Chứng khoán Sài Gòn

- ✓ 25 Trần Bình Trọng, Hoàn Kiếm, Hà Nội
ĐT: (84.4) 9426718 Fax: (84.4) 9426719

5. Chi nhánh Hải Phòng - Công ty Chứng khoán Sài Gòn

- ✓ 22 Lý Tự Trọng, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng
ĐT: (84.31) 3569123 Fax: (84.31) 3569130

MỤC LỤC

| | |
|--|-----------|
| CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4..... | 2 |
| I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO | 6 |
| 1. Rủi ro về kinh tế | 6 |
| 2. Rủi ro về luật pháp..... | 6 |
| 3. Rủi ro đặc thù ngành..... | 6 |
| 4. Rủi ro về thị trường..... | 7 |
| 5. Rủi ro về tài chính..... | 7 |
| 6. Rủi ro về biến động giá cổ phiếu..... | 8 |
| 7. Các rủi ro khác..... | 8 |
| II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH..... | 9 |
| 1. Tổ chức niêm yết - Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4 | 9 |
| 2. Tổ chức tư vấn - Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội (SSI) | 9 |
| III. CÁC KHÁI NIỆM | 9 |
| IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT | 10 |
| 1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết..... | 10 |
| 2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển..... | 11 |
| 3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty | 13 |
| 4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty, danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cơ cấu cổ đông | 15 |
| 5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên kết của tổ chức đăng ký niêm yết, những Công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết..... | 16 |
| 6. Hoạt động kinh doanh..... | 16 |
| 7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 30 |
| 8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành..... | 35 |
| 9. Chính sách đối với người lao động..... | 41 |
| 10. Chính sách cổ tức..... | 43 |
| 11. Tình hình hoạt động tài chính..... | 43 |
| 12. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng..... | 49 |
| 13. Tài sản..... | 57 |
| 14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2008-2010 | 59 |

| | |
|---|-----------|
| THUYẾT | 63 |
| 15.Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức | 65 |
| 16. ... Các thông tin, các tranh chấp, kiện tụng liên quan đến Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết | 65 |
| V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT | 66 |
| 1. Loại chứng khoán | 66 |
| 2. Mệnh giá | 66 |
| 3. Tổng số chứng khoán niêm yết | 66 |
| 4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết | 66 |
| 5. Phương pháp tính giá | 67 |
| 6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài | 68 |
| 7. Các loại thuế có liên quan | 68 |
| VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT | 68 |
| 1. Tổ chức kiểm toán | 68 |
| 2. Chi nhánh ở Hà Nội | 68 |
| 2. Tổ chức tư vấn | 68 |
| VII. PHỤ LỤC | 70 |

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Tốc độ tăng trưởng của Công ty trong lĩnh vực kinh doanh truyền thống về tư vấn xây dựng điện chịu sự ảnh hưởng mạnh mẽ bởi tình hình đầu tư phát triển hệ thống nguồn và lưới điện của ngành điện. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam luôn giữ ở mức ổn định và khá. GDP năm 2006 tăng trưởng 8,2%, năm 2007 đạt 8,55%¹. Dự báo nhu cầu phụ tải điện trong giai đoạn sắp tới sẽ tăng hàng năm khoảng từ 20-22% để đảm bảo đáp ứng nhu cầu điện cho sự phát triển của nền kinh tế và đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia. Ngoài các nỗ lực tăng cường đầu tư của ngành điện, Chính phủ cũng đang khuyến khích và tạo điều kiện cho các nhà đầu tư ngoài ngành điện đầu tư xây dựng các công trình nguồn điện, tạo ra một khối lượng công việc lớn cho các đơn vị hoạt động tư vấn xây dựng điện. Đó là các nhân tố vĩ mô có ảnh hưởng tích cực đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, trong thời kỳ hội nhập kinh tế thế giới, Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những biến động bất thường và ngày càng phức tạp của lạm phát, lãi suất, giá dầu, nguyên vật liệu...trong nước và trên thế giới.

2. Rủi ro về luật pháp

Hiện tại hoạt động của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 4 chịu sự điều chỉnh của Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán (dưới góc độ là công ty đại chúng) và các quy định pháp luật khác theo ngành. Sau khi được cấp phép giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội, hoạt động của Công ty sẽ chịu sự điều chỉnh của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với công ty niêm yết.

Trong quá trình hội nhập ngày càng sâu rộng với nền kinh tế thế giới, Việt Nam sẽ phải từng bước cải tổ hành lang pháp lý cho phù hợp với thông lệ quốc tế. Do vậy, những biến động trong quá trình chỉnh sửa các văn bản pháp luật có thể ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù ngành

Đối với những công ty hoạt động trong lĩnh vực tư vấn nói chung và tư vấn điện nói riêng, rủi ro về nguồn nhân lực, rủi ro về chảy máu chất xám là một trong những rủi ro rất lớn đối với những doanh nghiệp Việt Nam hiện nay.

Gia nhập vào thị trường khu vực cũng như quốc tế, những nhà cung cấp dịch vụ hàng đầu thế giới sẽ tham gia vào thị trường tư vấn điện Việt Nam. Những công ty này có lợi thế cạnh tranh rất lớn về công nghệ, kỹ thuật và tài chính. Một bộ phận lao động tay nghề cao và cán bộ quản lý giỏi sẽ bị thu hút và chuyển sang làm việc tại các Công ty nước ngoài. Do đó,

¹ Nguồn: http://www.vneconomy.vn/?home=detail&page=category&cat_name=05&id=a17fc1824b8ffe

Công ty luôn chú trọng đến chính sách thu hút, đãi ngộ và đào tạo cán bộ để duy trì nguồn nhân lực có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu công việc ngày càng cao của Công ty.

4. Rủi ro về thị trường

Chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần, Công ty phải đối mặt với những thay đổi lớn về thị trường cũng như thị phần hoạt động. Từ hình thức nhận giao thầu từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam và những chủ thầu khác, Công ty phải hoạt động dưới cơ chế cạnh tranh bình đẳng với các công ty tư vấn trong ngành cũng như các thành phần kinh tế khác có khả năng cung cấp dịch vụ tư vấn điện. Hiện nay, Việt Nam đã chính thức gia nhập WTO sẽ tạo điều kiện cho các tổ chức tư vấn nước ngoài có thương hiệu, uy tín và tiềm lực vào hoạt động và cạnh tranh khốc liệt với các công ty tư vấn trong nước, trong đó có Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4.

Để có thể đứng vững trong điều kiện hoạt động với xu hướng hội nhập của nền kinh tế, Công ty đã và đang mở rộng địa bàn hoạt động sang một số nước như Lào, Campuchia... và quan hệ hợp tác với một số đối tác nước ngoài như ECIDI (Viện Khảo sát và Thiết kế Hoa Đông - Trung Quốc), COLENCO (Công ty Tư vấn Xây dựng điện - Thụy Sĩ), Fitchner GmbH (Công ty Tư vấn Xây dựng điện - Đức), KOPEC (Công ty Xây dựng điện – Hàn Quốc), EDF (Tổng Công ty Điện lực Pháp), Tập đoàn thép POSCO – Hàn Quốc, Tập đoàn SUMITOMO-Nhật Bản, cùng nhiều tổ chức tư vấn quốc tế khác. Quá trình kết hợp làm việc với các đối tác nước ngoài đã giúp cho Công ty có điều kiện tiếp cận, nắm bắt công nghệ mới, trình độ chuyên môn, kỹ năng quản lý, trình độ ngoại ngữ... của đội ngũ kỹ sư Công ty - những người trực tiếp làm việc với các chuyên gia nước ngoài được nâng lên đáng kể, từng bước đáp ứng yêu cầu công việc ngày càng cao trong quá trình hội nhập.

5. Rủi ro về tài chính

Hoạt động trong lĩnh vực tư vấn khảo sát, thiết kế - là giai đoạn đầu của công tác đầu tư xây dựng phát triển các dự án nguồn và lưới điện, Công ty có thể chịu rủi ro về chiếm dụng vốn do các chủ đầu tư thanh toán chậm vì nhiều lý do, trong đó lý do lớn nhất là chủ đầu tư chưa sắp xếp được vốn cho dự án. Hệ quả là Công ty phải thường xuyên duy trì hệ số nợ ở mức cao với tỷ trọng nợ ngắn hạn là chủ yếu để tài trợ vốn lưu động trong hoạt động kinh doanh. Việc duy trì hệ số nợ cao có thể sẽ gây ra rủi ro mất thanh toán khi Công ty không thu hồi được các khoản nợ, hoặc khách hàng lớn của Công ty bị phá sản. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty sẽ tái cấu trúc lại nguồn vốn theo hướng tăng dần tỷ trọng các nguồn vốn dài hạn trong tổng nguồn vốn, kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu. Do ngành nghề xây dựng lưới và nguồn điện mang đóng vai trò hết sức quan trọng vào sự phát triển của nền kinh tế nên hiện nay việc thu xếp vốn cho các dự án đang được nhà nước và các định chế tài chính trong và ngoài nước đặc biệt quan tâm hỗ trợ. Điều này có tác động tích cực trong việc hạn chế rủi ro mất thanh toán của Công ty.

Để giảm thiểu rủi ro chiếm dụng vốn, Công ty đang xây dựng chiến lược tiêu thụ sản phẩm trong đó có những tiêu chí ràng buộc đối với các chủ đầu tư là thực hiện nghiệm thu song song với kết quả của công tác tư vấn để tránh tình trạng khối lượng nghiệm thu thanh toán công tác tư vấn cả năm thực hiện vào một thời điểm (thường là vào cuối năm).

6. Rủi ro về biến động giá cổ phiếu

Giá cổ phiếu được xác lập bằng quan hệ cung cầu trên thị trường, quan hệ này lại chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố vĩ mô của nền kinh tế trong nước và thế giới; các yếu tố vi mô liên quan đến doanh nghiệp và tâm lý của nhà đầu tư... Đặc biệt khi cổ phiếu đã được niêm yết, các yếu tố trên càng trở nên khá nhạy cảm và ảnh hưởng trực tiếp đến giá giao dịch. Ngoài ra, cổ phiếu của Công ty sẽ bị pha loãng khi Công ty phát hành tăng vốn làm giảm thu nhập trên một cổ phiếu.

7. Các rủi ro khác

Ngoài ra, hoạt động kinh doanh của Công ty có thể gặp phải một số rủi ro mang tính bất khả kháng đó là những rủi ro về thiên tai (hạn hán, bão lụt), hỏa hoạn, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo v.v.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết - Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4

Ông **Phạm Minh Sơn** - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty

Ông **Văn Công Minh** - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty

Ông **Trần Văn Thọ** - Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty

Ông **Trần Hoài Nam** - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty

Ông **Vũ Thành Danh** - Chức vụ: Kế toán trưởng Công ty

Bà **Bùi Việt Hà** - Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát Công ty

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn - Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội (SSI)

Ông **Nguyễn Hoài Anh** Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản Cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

- ❖ Tổ chức niêm yết : Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4
- ❖ Công ty : Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4
- ❖ SSI : Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội
- ❖ TTGDCK : Trung tâm giao dịch chứng khoán
- ❖ BCTC : Báo cáo tài chính
- ❖ CBCNV : Cán bộ công nhân viên
- ❖ CTCP : Công ty cổ phần
- ❖ QH : Quy hoạch
- ❖ NCTKT : Nghiên cứu tiền khả thi
- ❖ NCKT : Nghiên cứu khả thi
- ❖ BCĐT : Báo cáo đầu tư
- ❖ DADT : Dự án đầu tư

- ❖ TKKT : Thiết kế kỹ thuật
- ❖ TKBVTC : Thiết kế bản vẽ thi công
- ❖ TKKT-TDT : Thiết kế kỹ thuật - Tổng dự toán
- ❖ GSTCXD : Giám sát thi công xây dựng
- ❖ TTND : Trung tâm nhiệt điện

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết

- Tên gọi Công ty: Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4
- Tên giao dịch đối ngoại: Power Engineering Consulting Joint Stock Company 4
- Tên viết tắt: PECC4
- Địa chỉ trụ sở chính: 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
- Điện thoại: (84.58) 220405 Fax: (84.58) 220400
- Email: pecc4@dng.vnn.vn
- Website: pecc4.com.vn
- Logo:



- Vốn điều lệ: 27.500.000.000 đồng
- Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3703000280 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 01/8/2007 bao gồm:
 - Tư vấn thiết kế công trình nguồn điện, lưới điện, điện chiếu sáng, các dạng năng lượng mới và tái tạo; thiết kế công trình thủy lợi. Lập quy hoạch phát triển điện lực vùng lãnh thổ, quy hoạch phát triển điện các tỉnh, thành phố, quận, huyện; lập quy hoạch phát triển các nguồn năng lượng mới và tái tạo. Khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, địa chất kỹ thuật. Khảo sát, đo đạc, quan trắc khí tượng, thủy văn công trình. Xử lý gia cố nền móng, bao gồm: đo vẽ bản đồ địa chất công trình, địa chất thủy văn, khoan đào thăm dò, địa vật lý, khảo sát vật liệu xây dựng, khoan phụt. Dịch vụ đo vẽ bản đồ địa hình, địa chính; quan trắc biến dạng công trình. Giám sát khảo sát công trình. Tư vấn lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật, lập tổng mức đầu tư, tổng dự toán, dự toán công trình; lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu. Giám sát thi công xây dựng công trình nguồn điện, lưới điện, công trình công nghiệp, dân dụng, thủy lợi.

- Thí nghiệm phân tích nước; thí nghiệm cơ lý đất đá, nền móng công trình và vật liệu xây dựng; thí nghiệm kiểm định chất lượng công trình; thí nghiệm, phân tích đánh giá các chỉ tiêu về môi trường.
- Khảo sát điều tra, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường; giám sát môi trường.
- Tư vấn thẩm tra báo cáo đầu tư, dự án đầu tư; thẩm tra thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công, tổng mức đầu tư, tổng dự toán, dự toán, hồ sơ mời thầu công trình xây dựng. Tư vấn về môi trường, khảo sát và lập báo cáo về bồi thường, tái định canh, định cư các dự án xây dựng. Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng.
- Sản xuất, kinh doanh điện năng.
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị điện.
- Gia công chế tạo cấu kiện, vật liệu điện.
- Xây lắp điện.
- Kinh doanh khách sạn.
- Vận tải hàng hóa bằng ô tô.
- Mua bán thiết bị công nghệ thông tin và phần mềm máy tính.

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4 (PECC4) tiền thân là Phân viện quy hoạch thiết kế điện miền Nam thuộc Bộ Điện than (cũ) được thành lập ngày 14/07/1976.

Năm 1982, Phân viện Quy hoạch Thiết kế điện miền Nam đổi tên thành Phân viện Thiết kế Điện Nha Trang.

Ngày 03/06/1999, trên cơ sở đề nghị của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam) với sự chấp thuận của Chính phủ, Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) đã ra Quyết định số 33/1999/QĐ-BCN chuyển Phân viện thiết kế điện Nha Trang thành Công ty Tư vấn xây dựng điện 4, là doanh nghiệp hạch toán độc lập trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Ngày 01/08/2007, Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 3703000280 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.

Hơn 30 năm xây dựng và phát triển, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4 đã thực hiện tư vấn khảo sát, thiết kế phục vụ đầu tư xây dựng phát triển hàng trăm dự án nguồn và lưới điện trên địa bàn cả nước, và gần đây là trên lãnh thổ Lào, Campuchia, liên tục hoàn thành tốt nhiệm vụ kế hoạch sản xuất chuyên môn hàng năm. Cụ thể trong hơn 30 năm, Công ty đã thực hiện khảo sát thiết kế:

- 15 công trình nhà máy Diezen có tổng công suất thiết kế: 100 MW
- 1.000 Km đường dây 500 KV
- 2.200 Km đường dây 220 kV

- 4.000 MVA các trạm biến áp 500 kV
- 6.000 MVA các trạm biến áp 110-220 kV
- Xây dựng các công trình lưới điện trung, hạ thế và chương trình phát triển điện nông thôn, miền núi ở hầu hết các tỉnh miền Trung-Tây Nguyên.
- Từ năm 2001 đến nay, Công ty đã và đang thực hiện 26 công trình nhà máy thủy điện có tổng công suất thiết kế trên 2.500 MW.
- Lập quy hoạch tiềm năng năng lượng gió để phát điện tại các tỉnh duyên hải miền Trung; quy hoạch nhiệt điện than miền Trung; quy hoạch địa điểm Trung tâm nhiệt điện Cam Ranh, Trung tâm nhiệt điện Bình Định, Trung tâm nhiệt điện Sông Hậu; quy hoạch đầu nối thủy điện nhỏ vào lưới điện quốc gia.



Trụ sở làm việc của Công ty CP TVXD điện 4

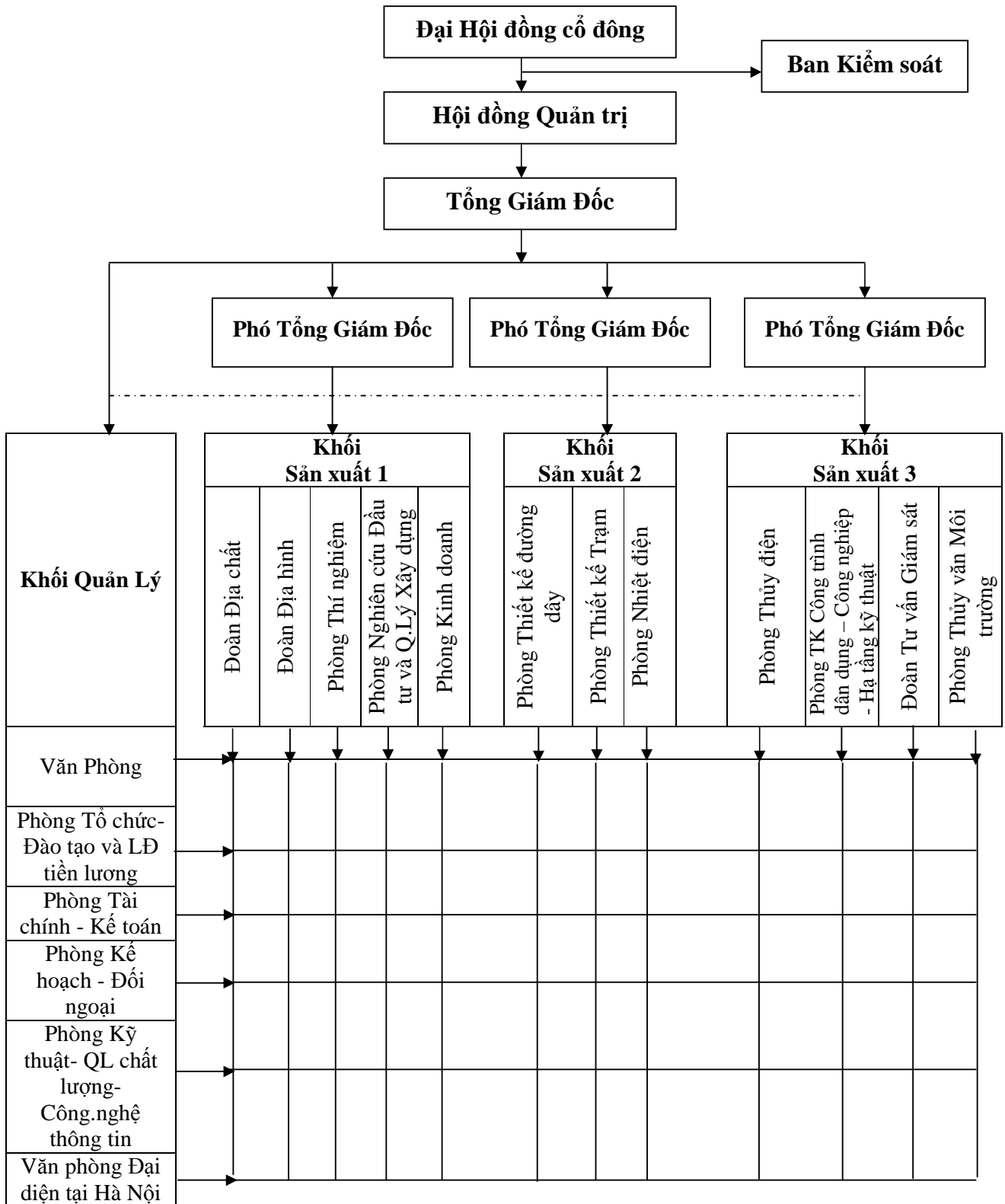
❖ **Một số danh hiệu Công ty đã đạt được:**

- 01 Huân chương Độc lập hạng Ba
- 01 Huân chương Lao động hạng Nhất
- 01 Huân chương Lao động hạng Nhì
- 05 Huân chương Lao động hạng Ba
- 20 Bằng khen của Thủ tướng Chính Phủ
- Giải thưởng Cúp vàng ISO 2007 do Bộ Khoa học và Công nghệ trao tặng cho doanh nghiệp có thành tích xuất sắc trong các hoạt động sản xuất kinh doanh, đã và đang áp dụng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn và quy định quốc tế.
- Giải thưởng Bạch Thái Bưởi – Doanh nhân đất Việt thế kỷ 21 do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tổ chức năm 2007.
- Giải thưởng nhà quản lý giỏi được Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam trao cho Ông Phạm Minh Sơn - Giám đốc Công ty theo Quyết định số 1172/QĐ-TLĐ ngày 28/08/2007.

Ngoài ra, Công ty cũng nhận được nhiều Bằng khen, Cờ thưởng của Bộ, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa, UBND các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty

Hình 1: Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



(Nguồn: Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4)

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty, quyết định định hướng phát triển của Công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4, có toàn quyền quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Hội đồng quản trị hiện có 3 người bao gồm 1 Chủ tịch HĐQT và 2 thành viên HĐQT. Cơ cấu Hội đồng Quản trị hiện tại như sau:

| | |
|----------------|---------------------|
| Chủ tịch HĐQT: | Ông Phạm Minh Sơn |
| Ủy viên HĐQT: | Ông Nguyễn Thái Sơn |
| Ủy viên HĐQT: | Ông Trần Văn Thọ |

Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc bao gồm 1 Tổng Giám đốc và 3 Phó Tổng Giám đốc, do HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty và là người điều hành cao nhất mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty. Cơ cấu Ban Tổng Giám đốc hiện tại như sau:

| | |
|--------------------|-------------------|
| Tổng Giám đốc: | Ông Phạm Minh Sơn |
| Phó Tổng Giám đốc: | Ông Văn Công Minh |
| Phó Tổng Giám đốc: | Ông Trần Văn Thọ |
| Phó Tổng Giám đốc: | Ông Trần Hoài Nam |

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Cơ cấu Ban Kiểm soát hiện tại như sau:

| | |
|-------------|--------------------------|
| Trưởng ban: | Bà Bùi Việt Hà |
| Thành viên: | Bà Nguyễn Minh Hằng |
| Thành viên: | Ông Nguyễn Duy Quốc Việt |

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty, danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cơ cấu cổ đông

Bảng 2: Danh sách cổ đông sáng lập

| TT | Cổ đông sáng lập | Địa chỉ | Số cổ phần | Tỷ trọng vốn điều lệ |
|----|--|---|-------------------------------------|-----------------------------|
| 1 | Tập đoàn Điện lực Việt Nam <i>Người đại diện:</i> a. Ông Phạm Minh Sơn b. Ông Nguyễn Thái Sơn | 18 Trần Nguyên Hãn –Hà Nội 9 Hoàn Kiếm – Nha Trang 16 ngách 1/2, ngõ 1, Tạ Quang Bửu, Bách Khoa, Hà Nội | 1.508.500 825.000 683.500 | 54,85% 30% 24,85% |
| 2 | Phạm Minh Sơn | 9 Hoàn Kiếm – Nha Trang – Khánh Hòa | 20.200 | 0,73% |
| 3 | Văn Công Minh | 6 Trần Quốc Toàn – Nha Trang – Khánh Hòa | 9.100 | 0,33% |
| 4 | Trần Văn Thọ | 11 Hoàng Hoa Thám – Nha Trang – Khánh Hòa | 5.000 | 0,18% |
| 5 | Trần Hoài Nam | 150A Lê Hồng Phong – Nha Trang – Khánh Hòa | 4.400 | 0,16% |
| 6 | Vũ Thành Danh | 78/37 Tuệ Tĩnh – Nha Trang – Khánh Hòa | 12.100 | 0,44% |
| | Tổng | | 1.559.300 | 56,69% |

(Nguồn: Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4)

Bảng 3: Danh sách cổ đông nắm 5% vốn cổ phần trở lên

| TT | Cổ đông nắm 5% vốn cổ phần trở lên | Giấy chứng nhận ĐKKD | Tỷ trọng vốn góp (%) | Vốn góp (1.000 đồng) | Số cổ phần |
|----|------------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|------------------|
| 1 | Tập đoàn Điện lực Việt Nam | 0106000804 | 54,85% | 15.085.000 | 1.508.500 |
| | Tổng | | 54,85% | 15.085.000 | 1.508.500 |

(Nguồn: Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4)

Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/01/2008:

Bảng 4: Cơ cấu vốn điều lệ Công ty tại thời điểm 31/01/2008:

| TT | Cổ đông | Số lượng cổ đông | Số lượng cổ phần | Giá trị (đồng) | Tỷ lệ (%) |
|----|-----------------------|------------------|------------------|-----------------------|------------|
| 1 | Cổ đông sáng lập | 6 | 1.559.300 | 15.593.000.000 | 56,7 |
| 2 | Cổ đông phổ thông | 479 | 1.190.700 | 11.907.000.000 | 43,3 |
| | Tổng | 485 | 2.750.000 | 27.500.000.000 | 100 |
| 1 | Cổ đông Nhà nước | 1 | 1.508.500 | 15.085.000.000 | 54,85 |
| 2 | Cán bộ công nhân viên | 357 | 420.580 | 4.205.800.000 | 15,30 |
| 3 | Cổ đông bên ngoài | 127 | 820.920 | 8.209.200.000 | 29,85 |
| | Tổng | 485 | 2.750.000 | 27.500.000.000 | 100 |
| 1 | Cổ đông trong nước | 484 | 2.745.000 | 27.450.000.000 | 99,82 |
| 2 | Cổ đông nước ngoài | 1 | 5.000 | 50.000.000 | 0,18 |
| | Tổng | 485 | 2.750.000 | 27.500.000.000 | 100 |
| 1 | Cổ đông tổ chức | 3 | 1.622.500 | 16.225.000.000 | 59 |
| 2 | Cổ đông cá nhân | 482 | 1.127.500 | 11.275.000.000 | 41 |
| | Tổng | 485 | 2.750.000 | 27.500.000.000 | 100 |

(Nguồn: Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4)

5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những Công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

5.1 Công ty con do Công ty nắm quyền kiểm soát

Công ty không có quyền kiểm soát hoặc nắm cổ phần chi phối đối với Công ty khác.

5.2 Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty

Hiện nay, Tập đoàn Điện lực Việt Nam đang nắm cổ phần chi phối của Công ty với số cổ phần là 1.508.500 cổ phần tương đương 54,85% vốn điều lệ.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Ngành nghề kinh doanh chính

Các dịch vụ chính của Công ty bao gồm:

- Lập báo cáo quy hoạch các dự án đầu tư phát triển điện lực
- Lập dự án đầu tư xây dựng các công trình nguồn điện, lưới điện và các dạng năng lượng khác bao gồm các bước: lập báo cáo đầu tư, lập dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công...
- Lập dự án đầu tư xây dựng hệ thống viễn thông điện lực

- Khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn, thí nghiệm, quan trắc...các công trình điện.
- Thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý của đất, đá, vật liệu xây dựng.
- Lập hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, tư vấn đấu thầu các công trình điện.
- Điều tra lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và tái định cư các dự án điện.
- Tổng thầu thiết kế và quản lý xây dựng các dự án điện.
- Tư vấn xây dựng các công trình thủy lợi, dân dụng, công nghiệp
- Thẩm tra thiết kế, tổng dự toán các dự án xây dựng công trình điện.
- Giám sát kỹ thuật xây dựng và lắp đặt thiết bị các dự án điện.
- Tư vấn giám sát các công trình nguồn và lưới điện
- Sản xuất kinh doanh điện năng
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị điện
- Gia công chế tạo cấu kiện, vật liệu và xây lắp điện
- Kinh doanh khách sạn, bất động sản, cho thuê văn phòng, vận tải, thiết bị công nghệ thông tin và phần mềm máy tính

Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

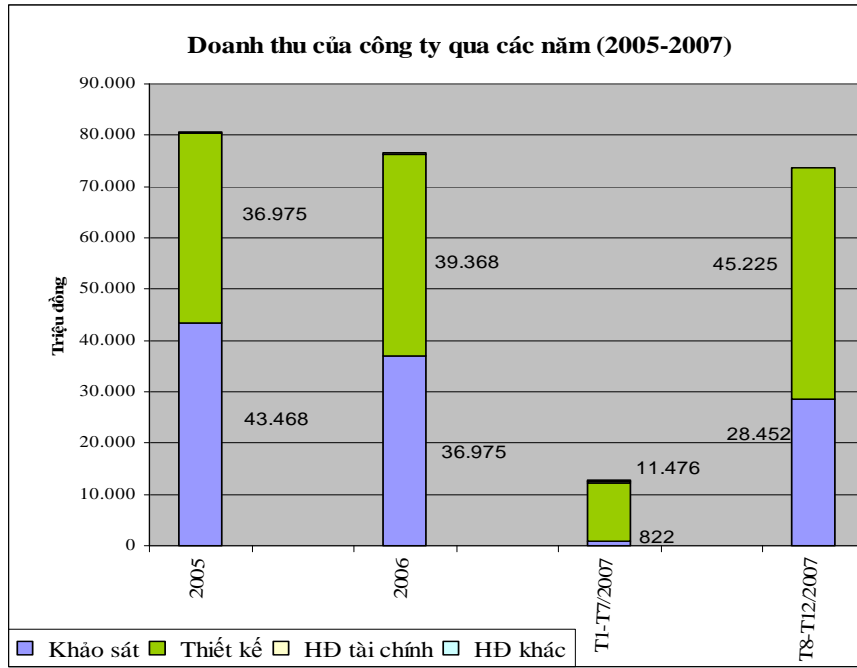
Bảng 5: Cơ cấu doanh thu của Công ty qua các năm (2005 - 2007)

Đơn vị: triệu đồng

| Tiêu chí | 2005 | | 2006 | | 01/01/2007- 31/07/2007 | | 01/8/2007- 31/12/2007 | |
|--------------|---------------|--------------|---------------|--------------|---------------------------|--------------|--------------------------|--------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ Trọng (%) |
| Khảo sát | 43.468 | 53,82 | 36.975 | 48,18 | 822 | 6,39 | 28.452 | 38,542 |
| Thiết kế | 36.975 | 45,78 | 39.368 | 51,3 | 11.476 | 89,2 | 45.225 | 61,264 |
| HĐ tài chính | 316 | 0,39 | 331 | 0,43 | 273 | 2,12 | 140 | 0,190 |
| HĐ khác | 1 | 0,01 | 68 | 0,09 | 294 | 2,29 | 3 | 0,004 |
| Tổng | 80.760 | 100 | 76.742 | 100 | 12.865 | 100 | 73.820 | 100 |

(Nguồn: Các Báo cáo tài chính kiểm toán Công ty Tư vấn xây dựng điện 4 năm 2005, 2006 và báo cáo tài chính kiểm toán Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4 giai đoạn 01/08/2007 đến 31/12/2007)

Chi chú: Từ ngày 01/08/2007 trở đi, Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, kết quả kinh doanh giai đoạn 01/08/2007 đến 31/12/2007 thuộc về Công ty cổ phần.

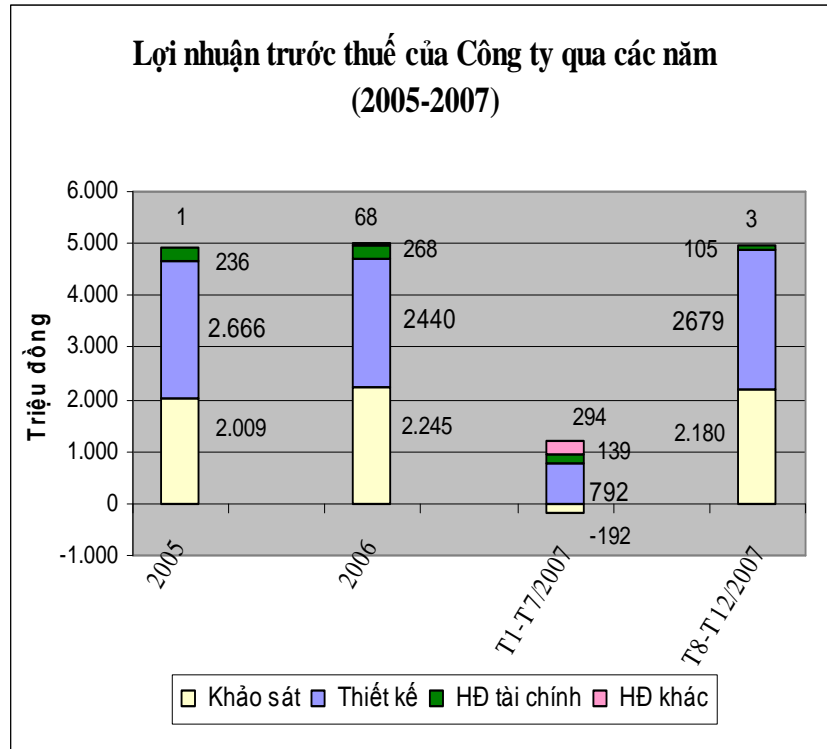


Bảng 6: Cơ cấu lợi nhuận trước thuế của Công ty qua các năm (2005 – 2007)

Đơn vị: triệu đồng

| TT | Sản phẩm | 2005 | | 2006 | | 01/01/2007 31/07/2007 | | 01/8/2007 31/12/2007 | |
|----|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------------------|--------------|-------------------------|--------------|
| | | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) |
| 1 | Khảo sát | 2.009 | 40,9 | 2.245 | 44,72 | -192 | -18,59 | 2.180 | 27,359 |
| 2 | Thiết kế | 2.666 | 54,27 | 2.440 | 48,6 | 792 | 76,67 | 5.679 | 71,273 |
| 3 | HĐ tài chính | 236 | 4,8 | 268 | 5,32 | 139 | 13,46 | 105 | 1,330 |
| 4 | HĐ khác | 1 | 0,03 | 68 | 1,36 | 294 | 28,46 | 3 | 0,038 |
| | Tổng | 4.912 | 100 | 5.021 | 100 | 1.033 | 100 | 7.967 | 100 |

(Nguồn: Các Báo cáo tài chính kiểm toán Công ty Tư vấn xây dựng điện 4 năm 2005, 2006 và báo cáo tài chính kiểm toán Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4 giai đoạn 01/08/2007 đến 31/12/2007)



Ghi chú: Từ ngày 01/08/2007 trở đi, Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, kết quả kinh doanh giai đoạn 01/08/2007 đến 31/12/2007 thuộc về Công ty cổ phần.

6.2. Chi phí sản xuất

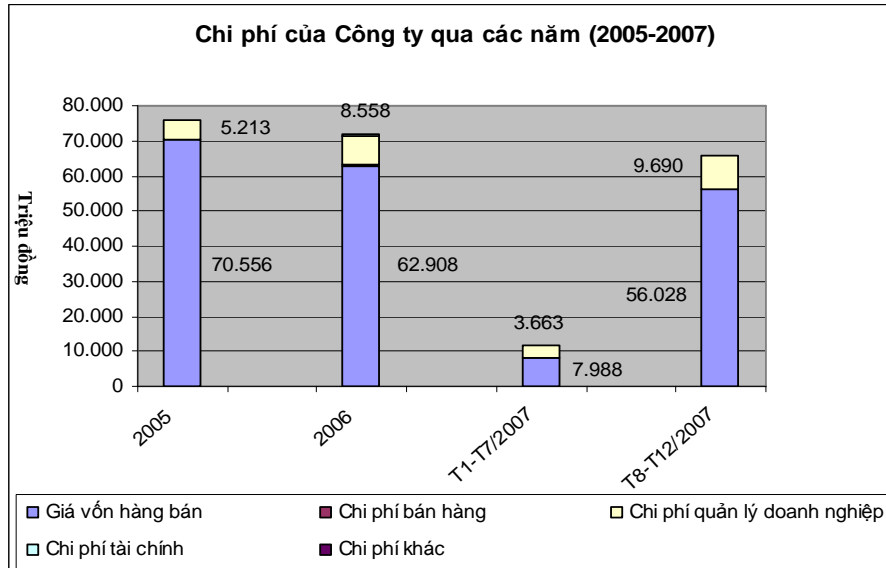
Bảng 7: Cơ cấu chi phí của Công ty qua các năm (2005 – 2007)

Đơn vị: triệu đồng

| TT | Chi phí | 2005 | | 2006 | | 01/01/2007 31/07/2007 | | 01/8/2007 31/12/2007 | |
|----|--------------------------|---------|--------------|---------|--------------|--------------------------|--------------|-------------------------|--------------|
| | | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) |
| 1 | Giá vốn hàng bán | 70.556 | 93,02 | 62.908 | 87,71 | 7.988 | 67,51 | 56.028 | 85,08 |
| 2 | Chi phí bán hàng | 0 | 0,00 | 165 | 0,23 | 47 | 0,40 | 101 | 0,15 |
| 3 | Chi quản lý doanh nghiệp | 5.213 | 6,87 | 8.585 | 11,97 | 3.663 | 30,96 | 9.690 | 14,71 |

| | | | | | | | | | |
|---|-------------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|
| 4 | Chi phí tài chính | 80 | 0,11 | 63 | 0,09 | 134 | 1,13 | 34 | 0,05 |
| 5 | Chi phí khác | 0 | 0,00 | 0 | 0,00 | 0 | 0,00 | 0 | 0,00 |
| | Tổng | 75.849 | 100,00 | 71.721 | 100,00 | 11.832 | 100,00 | 65.853 | 100,00 |

(Nguồn: Các Báo cáo tài chính kiểm toán Công ty Tư vấn xây dựng điện 4 năm 2005, 2006 và báo cáo tài chính kiểm toán Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4 giai đoạn 01/08/2007 đến 31/12/2007)



Giá vốn hàng bán luôn chiếm tỷ trọng cao trong tổng chi phí sản xuất, tỷ trọng bình quân các năm 2005-2007 khoảng 88%. Với việc tăng quy mô hoạt động, chi phí quản lý doanh nghiệp các trong các năm qua cũng có sự tăng đáng kể cả về giá trị tuyệt đối và giá trị tương đối, tỷ trọng bình quân các năm 2005-2007 chiếm khoảng 12% .

6.3. Trình độ công nghệ

- Trong những năm gần đây, để nâng cao năng lực công tác tư vấn khảo sát, thiết kế, Công ty đã không ngừng đầu tư đổi mới, bổ sung nhiều thiết bị, máy móc chuyên dùng phục vụ công tác khảo sát địa chất, địa hình với công nghệ tiên tiến, các phần mềm tính toán chuyên ngành... Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu hoạt động tư vấn đồng bộ phục vụ đầu tư xây dựng các lĩnh vực điện, giao thông, thủy lợi, công trình dân dụng, công nghệ, cơ sở hạ tầng v.v...
- Hệ thống máy móc thiết bị khảo sát địa hình hiện đại đã tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ cán bộ, kỹ sư và công nhân kỹ thuật trong quá trình thực hiện các công việc như: thành lập bản đồ địa hình với nhiều tỷ lệ bằng phương pháp toàn đạc điện tử, đo trực tiếp qua chương trình SDR, SURFER, lập mô hình số trên máy vi tính; xây dựng các hệ thống khống chế mặt bằng và cao độ phục vụ đo vẽ bản đồ và đo biến dạng công trình; lập các

cắt dọc và cắt ngang công trình phục vụ cho công tác thiết kế, tính khối lượng và diện tích chính xác qua các phần mềm chuyên dụng...



Khảo sát địa hình
Công trình thủy điện Ae Krông H'nh



Khảo sát địa hình
Công trình thủy điện Cổ Bi



Máy toàn đạc điện tử
Leica TC 2003 (Thụy Sĩ)



Máy toàn đạc điện tử
Leica TC 405 (Thụy Sĩ)



Máy định vị GPS Leica 1200
(Thụy Sĩ)

- Hệ thống các thiết bị khảo sát địa chất và công nghệ hiện đại đã thực hiện công việc khoan xoay, ép nước thí nghiệm, tỷ lệ lấy nỡn cao. Trong lĩnh vực khảo sát địa chất, với đội ngũ cán bộ, kỹ sư và công nhân kỹ thuật chuyên nghiệp, với các thiết bị và công nghệ hiện đại như trên đã giúp Công ty thành công trong việc đánh giá chính xác các nền móng phức tạp, nền đá nứt nẻ, tầng cátơ, tầng đất xốp, nhờ đó đã có những giải pháp xử lý thích hợp nhằm đảm bảo an toàn cho công trình.



**Khoan máy XY – 1A
Thủy điện Ea Krông Rou**



**Máy khoan tự hành khảo sát địa chất
Công trình Thủy điện Ea Krông H' năng**

- Phòng thí nghiệm của Công ty thực hiện công tác thí nghiệm trong phòng và thí nghiệm hiện trường bằng các thiết bị hiện đại, đảm bảo tính chính xác và độ tin cậy cao như: thí nghiệm cơ lý đất trong phòng; thí nghiệm phân tích nước; thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý cát, đá, xi măng, bê tông và hỗn hợp bê tông, vữa và hỗn hợp vữa xây dựng, thí nghiệm đất đá hiện trường... Đặc biệt, Phòng thí nghiệm của Công ty đã được Bộ Xây dựng kiểm tra cấp chứng chỉ phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn quy định Nhà nước theo Quyết định số 1458/QĐ-BXD ngày 20/7/2005 của Bộ Xây dựng.



Thiết bị nén 3 trục phòng thí nghiệm

Bảng 8: Danh mục một số máy móc thiết bị chủ yếu của Công ty

| TT | Tên thiết bị máy móc | Đơn vị | Số lượng | Năm Sản xuất | Xuất xứ |
|-------------|---|--------|----------|--------------|------------|
| I. | Thiết bị khảo sát địa hình, thủy văn khí tượng | | | | |
| 1 | Máy toàn đạc điện tử TC 2003 | bộ | 1 | 2005 | Thụy Sỹ |
| 2 | Máy toàn đạc điện tử TC 405 | bộ | 2 | 2005 | Thụy Sỹ |
| 3 | Máy toàn đạc điện tử TC 705 | bộ | 1 | 2002 | Thụy Sỹ |
| 4 | Máy toàn đạc điện tử TC 305 | bộ | 1 | 2001 | Thụy Sỹ |
| 5 | Máy toàn đạc điện tử Topcom GTS 601 | bộ | 1 | 2002 | Nhật |
| 6 | Máy kính vĩ quang cơ Topcom TL20GP | bộ | 4 | 2003 | Nhật |
| 7 | Máy kính vĩ quang cơ THEO – 10b – 20b | bộ | 4 | 2003 | Đức |
| 8 | Máy thủy chuẩn LEICA-NA-724 | bộ | 1 | 2002 | Thụy Sỹ |
| 9 | Máy thủy chuẩn LEICA-WILD NA 2 | bộ | 1 | 2002 | Thụy Sỹ |
| 10 | Máy định vị vệ tinh 1 tần số GPS GX-1210 | bộ | 6 | 2004 | Thụy Sỹ |
| 11 | Bộ thiết bị quan trắc tốc độ gió + trụ cao 60m | bộ | 2 | 2005 | Mỹ |
| 12 | Thiết bị đo lưu lượng tốc độ dòng chảy | bộ | 4 | 2005 | Trung Quốc |
| II. | Thiết bị khảo sát địa chất | | | | |
| 1 | Bộ khoan xuyên tĩnh GEOMIL 100KN | bộ | 1 | 2005 | Hà Lan |
| 2 | Máy khoan địa chất XY – 50M | bộ | 11 | 2003-2007 | Trung Quốc |
| 3 | Máy khoan tự hành I Ω – 50M | bộ | 1 | 2000 | Nga |
| 4 | Máy khoan khí nén BMK-5 | bộ | 2 | 2006 | Nga |
| 5 | Máy nén khí KO MATSU 17m ³ /h | bộ | 1 | 1996 | Nhật |
| 6 | Máy bơm dung dịch vữa xi măng KOKEN MG10 | bộ | 1 | 2005 | Nhật |
| 7 | Máy ghi thông số bơm phụt vữa xi măng KOKEN LGF-10 | bộ | 1 | 2000 | Nhật |
| III. | Thiết bị thí nghiệm | | | | |
| 1 | Cân điện tử | cái | 2 | 2003 | Nhật |
| 2 | Kính hiển vi phân cực ML9100- | bộ | 1 | 2005 | Nhật |

| TT | Tên thiết bị máy móc | Đơn vị | Số lượng | Năm Sản xuất | Xuất xứ |
|------------|--|--------|----------|--------------|------------|
| | S máy 904729 | | | | |
| 3 | Máy cắt đất ứng biến, 2 tốc độ | bộ | 1 | 2003 | Trung Quốc |
| 4 | Máy đầm chặt Proctor | cái | 1 | 2005 | Trung Quốc |
| 5 | Máy khoan lấy mẫu đá – Model HZ-15 | bộ | 1 | 2003 | Trung Quốc |
| 6 | Máy nén ba trục chỉ thị số - model TSZ30-2.0 | bộ | 1 | 2003 | Trung Quốc |
| 7 | Máy nén kết cấu không nở hông, tam liên-1 | bộ | 5 | 2003 | Trung Quốc |
| 8 | Máy siêu âm bê tông-Pundit Plus | bộ | 1 | 2004 | Anh |
| 9 | Máy nén bê tông-ADR 1500-Code: EL36-0716 | bộ | 1 | 2004 | Anh |
| 10 | Máy trộn vữa – Model: JJ-5 | bộ | 1 | 2004 | Trung Quốc |
| 11 | Thiết bị xác định hệ số thấm bê tông HS-4 | bộ | 1 | 2004 | Trung Quốc |
| 12 | Bộ thí nghiệm CBR S220 | bộ | 1 | 2005 | Hà Lan |
| 13 | Máy nén thủy lực 250KN | bộ | 1 | 2005 | Anh |
| 14 | Thiết bị xác định khả năng chịu tải S225 | bộ | 1 | 2005 | Anh |
| IV. | Thiết bị dụng cụ quản lý | | | | |
| 1 | Xe ô tô các loại | xe | 25 | | |
| 2 | Hệ thống máy tính cá nhân các loại | máy | 350 | | |
| 3 | Hệ thống mạng LAN + máy chủ | bộ | 2 | | |
| 4 | Hệ thống mạng thông tin quang nối với mạng EVN telecom | bộ | 1 | | |
| 5 | Hệ thống mạng, máy hội nghị, truyền hình | bộ | 1 | | |
| 6 | Máy in, vẽ, photo các loại | máy | 30 | | |

(Nguồn: Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4)

6.4. Tình hình quản lý chất lượng dịch vụ

Công ty đã được tổ chức BVQI – Vương quốc Anh (nay là tổ chức BUREAU VERITAS CERTIFICATION) cấp Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 9001: 2000 số 162509 ngày 01/10/2004 (của tổ chức BVQI) và số 221064 ngày 01/12/2007 (của tổ chức BUREAU VERITAS CERTIFICATION).

Công ty đã xây dựng, duy trì và áp dụng có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000 phù hợp với thông lệ quốc tế nhằm chứng tỏ khả năng cung cấp dịch vụ tư vấn xây dựng các công trình điện một cách ổn định, có khả năng đáp ứng được yêu cầu của khách hàng và các yêu cầu chế định. Ngoài ra, cũng nhằm nâng cao sự thỏa mãn của khách hàng thông qua việc áp dụng có hiệu lực hệ thống quản lý chất lượng xây dựng, bao gồm cả các quá trình cải tiến liên tục hệ thống, đảm bảo sự phù hợp với các yêu cầu của khách hàng và yêu cầu chế định được áp dụng theo luật pháp Việt Nam, quy chuẩn và tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn Việt Nam có liên quan.

Toàn Công ty có 37 cán bộ có chứng chỉ đánh giá viên nội bộ. Đại diện Ban chất lượng Công ty gồm 17 thành viên. Trong đó, một Phó Tổng Giám đốc làm Trưởng ban kiêm Đại diện Lãnh đạo Chất lượng, Trưởng phòng Kỹ thuật - Quản lý chất lượng và Công nghệ thông tin làm Ủy viên thường trực và 15 thành viên còn lại đều là Trưởng các Phòng, Đoàn, Văn phòng đại diện trong Công ty.

Công ty đã xây dựng quy trình kiểm tra chất lượng đồ án quy định về công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm (trong tất cả các giai đoạn thiết kế). Đây là công việc bắt buộc phải thực hiện mà tất cả cán bộ công nhân viên Công ty phải chấp hành một cách đầy đủ và nghiêm chỉnh.

Trình tự kiểm tra đồ án như sau:

+ Kiểm tra cấp đơn vị:

- Tự kiểm tra của người thực hiện
- Kiểm tra chéo do đơn vị thực hiện chỉ định
- Kiểm tra ở tổ
- Kiểm tra của đơn vị lập hồ sơ đồ án
- Kiểm tra của Chủ nhiệm đồ án

+ Thẩm tra cấp Công ty:

- Thẩm tra của Phòng Kỹ thuật – Nghiên cứu chất lượng và Công nghệ thông tin
- Thẩm tra của Hội đồng thẩm tra (nếu cần)

Nội dung kiểm tra bao gồm:

+ Kiểm tra các tài liệu đầu vào: các văn bản pháp lý, việc áp dụng các tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm, hướng dẫn thiết kế, khảo sát, chương trình tính toán, các tài liệu, số liệu cơ bản đầu vào áp dụng cho việc lập dự án.

+ Kiểm tra trong quá trình thực hiện:

Trong quá trình thực hiện, tất cả các hồ sơ/bộ phận hồ sơ/bản vẽ của các chuyên ngành đều phải thực hiện việc kiểm tra về chất lượng, tính hợp lý, tính đồng bộ của chúng trong tổng thể dự án và sự phù hợp với yêu cầu của khách hàng:

- Cán bộ lập hồ sơ kiểm tra các kết quả tính toán của cá nhân
- Phụ trách chuyên ngành, tổ trưởng: Kiểm tra các hồ sơ, kiểm tra kết quả, tính hợp lý, chất lượng sản phẩm của chuyên ngành mình.
- Chủ nhiệm, trưởng đơn vị: kiểm tra nội dung, kết quả, tính hợp lý, chất lượng sản phẩm do phụ trách chuyên ngành thực hiện và toàn bộ đồ án.

Trường hợp tài liệu do cơ quan ngoài Công ty thực hiện thì kỹ sư được phân công cùng chủ nhiệm đồ án chịu trách nhiệm nghiệm thu kỹ thuật tài liệu đó theo quy trình lựa chọn thầu phụ.

Trong quá trình kiểm tra, luôn có sự trao đổi giữa người thực hiện và người kiểm tra, nếu có bất đồng ý kiến thì báo cáo trưởng đơn vị chủ quản giải quyết.

+ Kiểm tra cuối cùng:

Hồ sơ của sản phẩm tư vấn sau khi hoàn thành bản gốc thì các đơn vị đều phải tổ chức kiểm tra nội bộ tại đơn vị thực hiện các sản phẩm đó:

- Nội dung kiểm tra bao gồm toàn bộ các vấn đề có liên quan đến sản phẩm.
- Chủ nhiệm và đơn vị lập hồ sơ đồ án là người chịu trách nhiệm toàn bộ về chất lượng hồ sơ đồ án do đơn vị lập.

Phòng kỹ thuật có trách nhiệm kiểm tra tất cả các hồ sơ đồ án do các đơn vị lập trước khi trình Lãnh đạo Công ty ký. Nhiệm vụ chính của Phòng Kỹ thuật như sau:

- Tính pháp lý của hồ sơ
- Việc chấp hành các quy định của Công ty, của ngành, của Nhà nước, các văn bản pháp chế.
- Sự phù hợp với nội dung chỉ đạo của Công ty và phê duyệt của cấp trên (nếu có)
- Sự tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức, đơn giá, chế độ, chính sách, các văn bản phê duyệt của Nhà nước, ngành và công ty.
- Sự đáp ứng các yêu cầu đặt ra theo hợp đồng đối với khách hàng
- Nâng cao chất lượng hồ sơ đồ án, hạn chế tối đa những sai sót của hồ sơ đồ án.
- Sự đầy đủ, đồng bộ và thống nhất.

6.5. Tình hình nghiên cứu sản phẩm, dịch vụ mới

Trong những năm đầu hoạt động theo mô hình kinh doanh cổ phần, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn tập trung phát triển ngành nghề truyền thống là công tác tư vấn khảo sát thiết kế nguồn và lưới điện, tiếp tục duy trì và thực hiện những dự án lớn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, chủ động nghiên cứu những sản phẩm tư vấn thiết kế về các dạng năng lượng khác như: năng lượng gió, năng lượng mặt trời, điện nguyên tử, v.v... Công ty đã chủ động cử CBCNV đào tạo trong và ngoài nước để thực hiện công tác tư vấn thiết kế các dạng năng lượng mới.

Đồng thời để khắc phục những hạn chế, giảm thiểu rủi ro khi chỉ dựa vào hoạt động của lĩnh vực tư vấn điện, Công ty còn định hướng phát triển kinh doanh điện năng (thiết kế, xây dựng, quản lý, kinh doanh nhà máy thủy điện); đây là ngành nghề kinh doanh cốt lõi của EVN đã được Tập đoàn hỗ trợ và Nhà nước khuyến khích để đầu tư.

6.6. Hoạt động Marketing

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tư vấn xây dựng điện, bên cạnh việc đòi hỏi về mặt kỹ thuật, công nghệ, con người... hoạt động marketing cũng giữ một vị trí hết sức quan trọng đem lại thành công cho Công ty. Khác với các doanh nghiệp sản xuất, phân phối và tiêu thụ sản phẩm hữu hình phục vụ trực tiếp cho đời sống của người tiêu dùng, sản phẩm của công ty là dịch vụ tư vấn xây dựng các công trình nguồn điện và lưới điện hay các báo cáo nghiên cứu, khảo sát để xây dựng các công trình đó. Do vậy, bên cạnh việc quảng bá uy tín và thương hiệu của Công ty, hoạt động marketing của Công ty đặc biệt hướng tới việc chăm sóc khách hàng, đo lường sự thỏa mãn hài lòng của khách hàng.

Chính sách chăm sóc khách hàng

Với phương châm “**Luôn đảm bảo, đáp ứng đầy đủ yêu cầu về chất lượng sản phẩm tư vấn của khách hàng và không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm**”, Công ty đã xây dựng Quy trình theo dõi sự thỏa mãn của khách hàng, nhằm đo lường sự hài lòng, chấp nhận của khách hàng đối với các sản phẩm, dịch vụ do Công ty cung cấp.

Phòng Kế hoạch - Đối ngoại thu thập các thông tin từ khách hàng qua các cuộc họp kiểm điểm tiến độ; thăm tra thiết kế các dự án; các cuộc họp sơ kết, tổng kết có liên quan đến Công ty do phía khách hàng tổ chức; các văn bản, biên bản nghiệm thu kết quả khảo sát xây dựng, nghiệm thu hồ sơ thiết kế của Chủ đầu tư, quyết định phê duyệt của các cấp có thẩm quyền... và ghi vào Sổ tiếp nhận thông tin từ Khách hàng.

Trên cơ sở Phiếu thăm dò ý kiến khách hàng, Phòng Kế hoạch - Đối ngoại lập Phiếu đo lường sự thỏa mãn khách hàng theo thang điểm đánh giá các tiêu chí: tốt, khá, đạt yêu cầu, chưa đạt yêu cầu và căn cứ các ý kiến góp ý, đánh giá của khách hàng qua các văn bản, thông báo, quyết định, các biên bản nghiệm thu, các hội nghị sơ, tổng kết... đã thu thập được, định kỳ hàng Quý, Phòng Kế hoạch - Đối ngoại tổng kết báo cáo Ban Tổng Giám đốc

làm cơ sở đánh giá mức độ thỏa mãn của khách hàng đối với sản phẩm, dịch vụ do Công ty cung cấp.

Căn cứ vào báo cáo tổng hợp các ý kiến đóng góp từ khách hàng do Phòng Kế hoạch - Đối ngoại lập và các nội dung báo cáo của các phòng, Tổng Giám đốc chủ trì cuộc họp xem xét của lãnh đạo và phân công các đơn vị tiến hành công tác khắc phục và cải tiến các mặt còn hạn chế theo đánh giá của khách hàng, nhằm ngày càng hoàn thiện sản phẩm, dịch vụ của Công ty.

Chính sách quảng bá thương hiệu

Để quảng bá thương hiệu, chất lượng dịch vụ của mình, Công ty thường xuyên tổ chức các cuộc họp khách hàng, phát hành các tờ rơi, thực hiện các chương trình phóng sự trên truyền hình địa phương và đăng bài viết về Công ty trên các tạp chí chuyên ngành.

6.7. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh, sáng chế và bản quyền

Nhãn hiệu thương mại



Công ty đã đăng ký tên miền: www.pecc4.com; www.pecc4.vn; www.pecc4.com.vn do Bộ bưu chính viễn thông cấp.

6.8. Các hợp đồng có giá trị lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 9: Các hợp đồng có giá trị lớn đã thực hiện

Đơn vị: Triệu đồng

| TT | Tên khách hàng - Tên công trình | Số hợp đồng | Ngày ký hợp đồng | Thời hạn hoàn thành hợp đồng | Bước thực hiện | Giá trị hợp đồng |
|-----------|------------------------------------|------------------|---------------------|---------------------------------------|-------------------|------------------------|
| A. | NGUỒN ĐIỆN | | | | | |
| I. | BQLDA THỦY ĐIỆN 5 | | | | | |
| 1 | Thủy điện Buôn Tua Srah | 174/EVN-ATĐ5-P2 | 17/04/2003 | 30/11/2003 | NCKT | 12.983 |
| 2 | Thủy điện Buôn Tua Srah | 258/EVN-ATĐ5-P2 | 12/03/2004 | 06/01/2004 | TKKT | 16.981 |
| 3 | Thủy điện Buôn Tua Srah | 1029/EVN-ATĐ5-P2 | 13/07/2004 | 31/12/2004 | TKKT | 14.828 |
| 4 | Thủy điện Buôn Tua Srah | 195/HD-ATĐ5-P2 | 17/01/2006 | Theo QĐPD | TKBVTC | 6.624 |

| TT | Tên khách hàng - Tên công trình | Số hợp đồng | Ngày ký hợp đồng | Thời hạn hoàn thành hợp đồng | Bước thực hiện | Giá trị hợp đồng |
|--|------------------------------------|------------------------------|---------------------|---------------------------------------|-------------------|------------------------|
| 5 | Thủy điện Srêpok 4 | 627/EVN-ATĐ5-P2 | 05/04/2005 | 30/09/2005 | NCKT | 10.294 |
| II. BQLDA NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN SÔNG HINH | | | | | | |
| 6 | Thủy điện Ea Krông H' năng | 873 EVN/QLDA TĐSH-2E | 15/10/2001 | 31/10/2002 | NCKT | 5.304 |
| III. CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐIỆN SÔNG BA | | | | | | |
| 7 | Thủy điện Ea Krông H' năng | 59/S3-PECC4 | 09/07/2003 | 25/09/2003 | NCKT | 10.108 |
| 8 | Thủy điện Ea Krông H' năng | 06/2005/S3-PECC4 | 16/02/2005 | 15/04/2005 | TKKT | 16.319 |
| IV. BQLDA THỦY ĐIỆN 2 | | | | | | |
| 9 | Thủy điện Cổ Bi | 141HĐTV/EVN- ATĐ2-P2 | 15/08/2003 | 28/02/2004 | NCKT | 6.110 |
| 10 | Thủy điện Bản Uôn | 07/EVN/ATĐ2-P2 | 24/01/2003 | 31/10/2003 | NCKT | 9.043 |
| 11 | Thủy điện Bản Uôn | 73/HĐTV-EVN- ATĐ2-P2 | 28/08/2005 | 30/08/2005 | DAĐT | 28.894 |
| 12 | Thủy điện Bản Uôn | 28/HĐTV-ATĐ2- P2 | 05/05/2006 | 15/05/2006 | TKKT | 8.515 |
| V. BQLDA THỦY ĐIỆN SƠN LA | | | | | | |
| 13 | Thủy điện tích năng Bắc Ái | 19A/2006/ATĐ SL-KH-HĐ | 17/05/2006 | 31/08/2007 | BCĐT | 4.680 |
| VI. CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC | | | | | | |
| 14 | Thủy điện Nho Quế 1 | 13/2006/NEDI1/H ĐTV | 01/09/2006 | 20/09/2006 | BCĐT | 5.987 |
| 15 | Thủy điện Nho Quế 1 | 24/NEDI1-HĐTV | 12/04/2007 | 02/05/2007 | DAĐT | 3.300 |
| VII. CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN ĐẠI HẢI | | | | | | |
| 16 | Thủy điện SêRêPôk 4 | 05/2007/HĐDV- ĐĐH | 14/03/2007 | 28/06/2007 | TKKT | 12.183 |
| VIII. TỔNG CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM | | | | | | |
| 17 | Thủy điện Hồi Xuân | 900/2007/HĐDV- VNECO-KTKH | 01/06/2007 | 15/09/2007 | DAĐT | 6.133 |
| IX. CÔNG TY CP ĐIỆN MIỀN TRUNG | | | | | | |
| 18 | Thủy điện Sông Tranh 3 | 16/CPMT/TĐ/HĐ QT | 27/02/2007 | 15/09/2007 | DAĐT | 3.565 |
| X. CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN LA NGÂU | | | | | | |
| 19 | Thủy điện La Ngâu | 06/2006/HĐTV-LN | 15/12/2006 | 15/06/2007 | DAĐT | 6.118 |
| XI. CÔNG TY CP TÀI CHÍNH VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG | | | | | | |
| 20 | Thủy điện Tr' Hy | 06A/HĐTV-TVĐ4- KH | 20/11/2007 | 31/03/2007 | DAĐT | 1.972 |
| B. LƯỚI ĐIỆN | | | | | | |

| TT | Tên khách hàng - Tên công trình | Số hợp đồng | Ngày ký hợp đồng | Thời hạn hoàn thành hợp đồng | Bước thực hiện | Giá trị hợp đồng |
|--------------|---|--------------------------|---------------------|---------------------------------------|-------------------|------------------------|
| XII. | BQLDA CÁC CÔNG TRÌNH ĐIỆN MIỀN BẮC | | | | | |
| 21 | Đz 500kV Quảng Ninh- Thường Tín và TBA 500kV | 1210/2004/EVN/A MB-P2 | 20/05/2004 | 25/06/2004 | TKKT | 22.203 |
| 22 | Đz 500kV Quảng Ninh- Mông Dương | 36/EVN-AMB-P2 | 06/01/2005 | 10/02/2007 | TKKT | 4.500 |
| XIII. | BQLDA CÁC CÔNG TRÌNH ĐIỆN MIỀN NAM | | | | | |
| 23 | TBA 500kV Đắk Nông và nhánh rẽ | 01/2006/EVN- TVĐ4-P3 | 03/01/2006 | 15/06/2006 | TKKT- TDT | 10.134 |
| 24 | Đz 220kV Đồng Nai 3-TBA 500kV Đắk Nông | 02/2006/EVN- TVĐ4-P3 | 03/01/2006 | 30/03/2006 | TKKT | 1.159 |
| | Tổng | | | | | <u>227.937</u> |

(Nguồn: Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4)

Ngoài ra, Công ty còn ký kết một số hợp đồng tư vấn phụ với các đối tác nước ngoài để thực hiện một số công trình quy mô lớn. Danh sách các công trình thuê tư vấn nước ngoài như sau:

| TT | Tên công trình | Tên Tổ chức tư vấn phụ nước ngoài |
|----|--|---|
| 1 | Thủy điện Buôn Tua Srah | Viện Khảo sát và Thiết kế Hoa Đông – Trung Quốc (ECIDI) |
| 2 | Thủy điện Bản Uôn (Trung Sơn) | Công ty Tư vấn điện - Thụy Sĩ (COLENCO) |
| 3 | Đường dây 500kV Quảng Ninh - Thường Tín và Trạm biến áp 500kV Quảng Ninh | Công ty Tư vấn Xây dựng điện - Đức (Fichtner GmbH) |

(Nguồn: Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4)

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4 (chính thức hoạt động là công ty cổ phần từ ngày 01/8/2007) chưa hoàn tất việc bàn giao tài sản và nguồn vốn từ Công ty Tư vấn xây dựng điện 4 nên một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính tại thời điểm 31/7/2007 và 31/12/2007 có thể bị thay đổi khi có sự khác nhau giữa tài sản và nguồn vốn nhận bàn giao chính thức được phê duyệt so với số liệu được Công ty tạm ghi nhận vào Báo cáo tài chính. (Chi tiết xem mục 7.1 phần IV).

7.1. Các lưu ý trong báo cáo tài chính kiểm toán và giải trình chênh lệch số liệu cuối kỳ bằng cân đối kế toán năm 2005 và số liệu đầu kỳ bằng cân đối kế toán đã kiểm toán 2006

- Một số chỉ tiêu đầu kỳ bằng cân đối kế toán năm 2006 chênh lệch so với số cuối kỳ năm 2005 là do một số chỉ tiêu tài chính năm 2005 được phân loại lại theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính.
- Đến nay Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4 chưa hoàn tất các thủ tục nhận bàn giao tài sản và nguồn vốn từ Công ty Tư vấn xây dựng điện 4 (*Tháng 11/2007, Công ty đã nộp hồ sơ bàn giao vốn nhà nước lên Bộ Công thương và Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Tuy nhiên, do Bộ Công nghiệp mới sáp nhập vào Bộ Công thương từ ngày 08/08/2007, đang trong thời gian kiện toàn bộ máy tổ chức nên chưa bố trí được nhân sự để tổ chức việc bàn giao vốn cho đơn vị*). Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4 tạm ghi nhận kế thừa toàn bộ tài sản và nguồn vốn theo báo cáo tài chính tại thời điểm 31/7/2007 đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán độc lập với ý kiến chấp thuận toàn phần của kiểm toán viên. Một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi khi có sự khác nhau giữa tài sản và nguồn vốn nhận bàn giao theo hồ sơ chính thức được phê duyệt so với số liệu được Công ty tạm ghi nhận vào báo cáo tài chính. Nếu có chênh lệch, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4 có trách nhiệm điều chỉnh lại cho phù hợp.

Bảng 11: Giải trình chênh lệch

Đơn vị: đồng

| TÊN KHOẢN MỤC TÀI SẢN | Mã số 2006 | SỐ ĐẦU KỲ 2006 | Mã số 2005 | SỐ CUỐI KỲ 2005 | CHÊNH LỆCH 2006-2005 | GIẢI TRÌNH |
|--------------------------------------|------------|----------------|------------|-----------------|----------------------|---|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | 41.267.697.039 | 100 | 41.267.697.039 | 0 | Theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính một số chỉ tiêu tài chính của năm 2005 đã được phân loại lại cho phù hợp với việc trình bày với số liệu của Báo cáo tài chính năm 2006. |
| III- Phải thu ngắn hạn | 130 | 27.149.946.805 | 150 | 28.728.817.806 | -1.578.871.001 | |
| 3. Các khoản phải thu khác | 135 | 146.020.500 | | 1.724.891.501 | -1.578.871.001 | |
| V- Tài sản ngắn hạn khác | 150 | 1.578.871.001 | 151 | 0 | 1.578.871.001 | |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | 1.578.871.001 | | 0 | 1.578.871.001 | |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | 22.812.270.692 | 200 | 22.812.270.692 | 0 | |
| I- Các khoản phải thu dài hạn | 210 | 931.983.754 | 210 | 933.983.754 | -2.000.000 | |
| 4. Phải thu dài hạn khác | 218 | 0 | 213 | 2.000.000 | -2.000.000 | |
| IV- Đầu tư dài hạn khác | 260 | 953.997.462 | 260 | 951.997.462 | 2.000.000 | |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 | 2.000.000 | 268 | 0 | 2.000.000 | |
| TÊN KHOẢN MỤC NGUỒN VỐN | Mã số 2006 | SỐ ĐẦU KỲ 2006 | Mã số 2005 | SỐ CUỐI KỲ 2005 | CHÊNH LỆCH 2006-2005 | |
| A. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | 40.106.302.571 | 300 | 40.106.302.571 | 0 | |
| I- Nợ ngắn hạn | 310 | 39.917.537.651 | 310 | 40.106.302.571 | -188.764.920 | |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | 329.116.002 | 316 | 517.880.922 | -188.764.920 | |
| II- Nợ dài hạn | 330 | 188.764.920 | 330 | 0 | 188.764.920 | |
| 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | 188.764.920 | | 0 | 188.764.920 | |

(Nguồn: Các Báo cáo tài chính kiểm toán Công ty Tư vấn xây dựng điện 4 năm 2005, 2006)

7.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 3 năm gần nhất**Bảng 10: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty giai đoạn 2005 -2007**

Đơn vị: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | 2005 | 2006 | | 01/01/2007 31/07/2007 | 01/08/2007 31/12/2007 |
|--------------|---------|---------|---------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | Giá trị | Giá trị | % tăng (giảm) so với 2005 | Giá trị | Giá trị |
| Tổng tài sản | 64.080 | 66.785 | 4,2 | 68.100 | 80.758 |

| Chỉ tiêu | 2005 | 2006 | | 01/01/2007 31/07/2007 | 01/08/2007 31/12/2007 |
|--------------------------------------|---------|---------|---------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | Giá trị | Giá trị | % tăng (giảm) so với 2005 | Giá trị | Giá trị |
| Doanh thu thuần | 80.443 | 76.343 | -5,1 | 12.298 | 73.678 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 4.911 | 4.952 | 0,8 | 739 | 7.965 |
| Lợi nhuận khác | 1 | 68 | 6700 | 294 | 3 |
| Lợi nhuận trước thuế | 4.912 | 5.021 | 2,2 | 1.033 | 7.968 |
| Lợi nhuận sau thuế | 3.537 | 3.615 | 2,2 | 744 | 5.737 |
| EPS (đồng) | - | - | - | - | 2.086 |

(Nguồn: Các Báo cáo tài chính kiểm toán Công ty Tư vấn xây dựng điện 4 năm 2005, 2006 và báo cáo tài chính kiểm toán Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4 giai đoạn 01/08/2007 đến 31/12/2007)

Kể từ năm 2006, Công ty chủ động hơn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, giảm đáng kể hoạt động thuê ngoài. Doanh thu thuê ngoài năm 2005 là 23.023 triệu đồng, năm 2006 là 11.180 triệu đồng, đến năm 2007 doanh thu thuê ngoài chỉ còn 8.304 triệu đồng. Với việc giảm chi phí thuê ngoài, tuy tổng doanh thu trong năm 2006 thấp hơn năm 2005 nhưng doanh thu tự làm của Công ty tăng cao hơn 2005 13,48% đã làm cho lợi nhuận trong năm tăng 2,2%. Năm 2007 là năm chuyển đổi mô hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty đã có sự phát triển vượt bậc. Doanh thu tự làm đạt 77.672 triệu đồng (chiếm 90%), tăng 19% so với năm 2006. Riêng 5 tháng cuối năm 2007, lợi nhuận trước thuế tăng 58% so với cả năm 2006. Đây là kết quả đáng khích lệ của việc đổi mới mạnh mẽ trong phương thức quản trị doanh nghiệp, ý chí quyết tâm của đội ngũ lãnh đạo và cán bộ công nhân viên Công ty trong tình hình mới, cụ thể: Công ty đã chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tỷ trọng doanh thu các dự án ngoài EVN trong 5 tháng cuối năm 2007 cao hơn so với năm 2006; cắt giảm những khoản chi phí không cần thiết; tạo môi trường làm việc thông thoáng, khuyến khích tăng năng suất lao động...

Trong năm 2007, Công ty cổ phần mới hoạt động được 5 tháng (từ 01/08/2007 -31/12/2007), nên cổ tức chia cho cổ đông sẽ căn cứ trên kết quả hoạt động của 5 tháng cuối năm.

7.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong các năm 2005-2007

Thuận lợi

✓ Sự tăng trưởng của nền kinh tế

Nền kinh tế Việt Nam tiếp tục phát triển và tăng trưởng ổn định, nhu cầu về điện năng phục vụ cho hoạt động kinh tế xã hội của đất nước ngày càng tăng.

Theo Quyết định số 110/2007/QĐ-TTg Phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2006 - 2015 có xét đến năm 2025 để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của cả nước với mức tăng GDP khoảng 8,5% - 9%/năm giai đoạn 2006 - 2010 và cao hơn, dự báo nhu cầu điện nước ta tăng ở mức 17% năm (phương án cơ sở), 20% năm (phương án cao) trong giai đoạn 2006 - 2015, trong đó xác định phương án cao là phương án điều hành, chuẩn bị phương án 22% năm cho trường hợp tăng trưởng đột biến². Tổng vốn đầu tư cho toàn ngành điện trong giai đoạn 2006-2015 là khoảng 79,9 tỷ USD; trong đó, đầu tư cho nguồn điện khoảng 52 tỷ USD và đầu tư cho lưới điện gần 27,9 tỷ USD. Bình quân mỗi năm, vốn đầu tư cho ngành điện gần 4 tỷ USD³.

Việc đầu tư xây dựng các nhà máy điện, công trình truyền tải điện đang trở nên cần thiết đã tạo rất nhiều thuận lợi cho Công ty trong việc ký kết các hợp đồng tư vấn thiết kế các dự án nhà máy điện để cung cấp điện cho nền kinh tế.

- ✓ **Sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Đảng ủy, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc cùng sự đoàn kết, quyết tâm của Đảng ủy, lãnh đạo và toàn thể CBCNV trong công ty và việc tạo điều kiện thuận của các phòng ban Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các đơn vị bạn.**
- ✓ **Bộ máy tổ chức trong Công ty đã được củng cố, sắp xếp lại phù hợp với mô hình phát triển của Công ty trong giai đoạn mới, tạo ra sự năng động trong việc chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh; tìm kiếm, khai thác, mở rộng thêm nguồn công việc để góp phần gia tăng lợi nhuận cho Công ty.**
- ✓ **Trình độ và năng lực của đội ngũ cán bộ ngày càng được Công ty chú trọng nâng cao. Các sản phẩm của Công ty sau khi hoàn thành và bàn giao đều được khách hàng thỏa mãn và tạo được lòng tin vững chắc của khách hàng.**
- ✓ **Việc chú trọng nâng cao năng lực thiết bị dùng trong các lĩnh vực khảo sát, thiết kế, thí nghiệm góp phần nâng cao năng suất lao động, rút ngắn thời gian thực hiện các công việc, giảm chi phí giá thành, nâng cao lợi nhuận cho doanh nghiệp.**

Khó khăn

- ✓ Năm 2007, công ty hoàn thành công tác chuyển đổi Công ty Tư vấn Xây dựng điện 4 thành Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 4 và bắt đầu hoạt động theo cơ chế mới – cơ chế quản lý của công ty cổ phần.
- ✓ Từ khi chuyển đổi thành công ty cổ phần, tình hình nhân sự, cơ cấu bộ máy quản lý có nhiều thay đổi để phù hợp với cơ chế hoạt động mới của Công ty.
- ✓ Chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, Công ty đang chịu sự điều chỉnh của Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán. Là công ty đại chúng, Công ty phải tuân thủ các nguyên tắc quản trị công ty theo quy định của Luật doanh nghiệp và thực hiện công bố thông tin theo quy định của Luật chứng khoán. Điều này làm phát sinh thêm khối lượng công việc cho các phòng quản lý của Công ty. Các phòng ban trong Công ty

² Nguồn: <http://vietbao.vn/Kinh-te/Phe-duyet-Quy-hoach-phat-trien-dien-2006-2015/20722135/87/>

³ Nguồn: http://www.cpv.org.vn/print_preview.asp?id=BT13100653282

cũng đã bắt đầu làm quen với cơ chế hoạt động mới nhưng vẫn còn nhiều bỡ ngỡ, bộ máy Công ty vận hành chưa linh hoạt theo đúng bản chất của công ty cổ phần.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1 Vị thế của Công ty trong ngành

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 4 tiền thân là Phân viện quy hoạch thiết kế điện miền Nam thành lập năm 1976, là một trong bốn công ty tư vấn hàng đầu chuyên ngành khảo sát thiết kế lập dự án đầu tư xây dựng phát triển điện, là công ty con trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam (Tập đoàn Điện lực Việt Nam nắm giữ cổ phần chi phối chiếm 54,85% vốn điều lệ) hoàn thành việc chuyển đổi sớm nhất trong nhóm các công ty tư vấn xây dựng điện. Trước khi cổ phần hóa, Công ty được giao nhiệm vụ thực hiện khảo sát thiết kế hầu hết các công trình lưới điện và một số công trình nguồn điện ở khu vực miền Trung và Tây Nguyên. Tuy nhiên, sau cổ phần hóa, Công ty sẽ phải chủ động trong việc tìm kiếm khách hàng. Bên cạnh việc duy trì thị phần chính ở miền Trung và Tây Nguyên, Công ty sẽ mở rộng địa bàn hoạt động sang các khu vực khác.

Hơn 30 năm xây dựng và phát triển, Công ty có đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên môn có trình độ quản lý, chuyên môn khoa học kỹ thuật chuyên sâu, nhiều kinh nghiệm, với hệ thống các cơ sở nhà cửa phục vụ sản xuất kinh doanh, các máy móc thiết bị, phương tiện kỹ thuật chuyên dùng thường xuyên được đầu tư bổ sung đổi mới, có công nghệ tiên tiến hiện đại, luôn đáp ứng đầy đủ mọi yêu cầu nhiệm vụ của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và chủ đầu tư khác về dịch vụ tư vấn đầu tư khảo sát thiết kế các dự án nguồn và lưới điện với mọi quy mô, công suất, cấp điện áp, v.v...

Vị thế và uy tín của Công ty trong ngành được thể hiện qua những dự án lớn mà Công ty đã được Tập đoàn Điện lực Việt Nam giao làm đơn vị tư vấn chính và thuê các đơn vị tư vấn nước ngoài làm tư vấn phụ, cụ thể như dự án Đường dây 500kV Quảng Ninh - Thường Tín (thuê Công ty tư vấn xây dựng điện - Đức Fichtner GmbH làm tư vấn phụ), dự án Thủy điện Buôn Tua Srah (thuê Viện Khảo sát và Thiết kế Hoa Đông – Trung Quốc làm tư vấn phụ) và dự án Thủy điện Bản Uôn (thuê Công ty tư vấn điện Thụy Sĩ - COLENCO làm tư vấn phụ).

Trong nhiều năm qua và hiện nay, Công ty đã và đang thực hiện một khối lượng đáng kể các dự án đầu tư xây dựng phát triển hệ thống nguồn và lưới điện theo Tổng sơ đồ phát triển điện Việt Nam ở các giai đoạn đầu tư do Tập đoàn Điện lực Việt Nam và chủ đầu tư khác giao trên địa bàn cả nước và một số dự án trên lãnh thổ Lào, Campuchia, góp phần đáng kể vào sự nghiệp phát triển điện lực, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội và an ninh năng lượng của đất nước. Trong giai đoạn đầu tiên hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần (5 tháng cuối năm 2007), Công ty đã chủ động hơn trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Tỷ trọng doanh thu thực hiện các dự án ngoài EVN lớn hơn so với năm 2006, các dự án tiêu biểu là thiết kế kỹ thuật cho các nhà máy thủy điện: Thủy điện Hồi Xuân, Thủy điện Nho Quế 1, Thủy điện Nho Quế 2, Thủy điện Srêpok 4A, Thủy điện Sông Tranh, Thủy điện La Ngâu, Thủy điện TR'Hy, Thủy điện Thác cá...

Bằng sức lực, trí tuệ của đội ngũ cán bộ, kỹ sư, nhân viên, Công ty đóng góp đáng kể vào sự phát triển của hệ thống điện Việt Nam. Một số công trình lớn Công ty thực hiện trong vòng 10 năm trở lại đây bao gồm:

- Các công trình Nguồn điện: Thủy điện Tích năng Bắc Ái (1.050MW), Bản Uôn (260MW), Nậm Na (200MW), Buôn Tua Srah (86MW), EaKrông Hnăng (65MW), Cỏ Bi (50MW), Sông Tranh 3 (49MW), La Ngâu (46MW), Nho Quế 2 (42MW), Nho Quế 1 (32MW), TR'Hy (30MW), Sông Giang (22MW), Ea Krông Rou (28MW); các Trung tâm nhiệt điện Hậu Giang (5.200MW – Phương án cao), Cam Ranh (4.400MW), Bình Định (2.400MW), v.v...
- Các đường dây 500kV: Bắc – Nam mạch 1 (Đoạn từ Đà Nẵng đến Buôn Ma Thuột), PleiKu - Phú Lâm, 500kV mạch II Đoạn PleiKu -Dung Quất - Đà Nẵng, Hà Tĩnh - Nho Quan, Thường Tín-Quảng Ninh, Quảng Ninh – Mông Dương, Sêkaman - Thanh Mỹ, v.v...
- Các đường dây 220kV: Quy Nhơn - Pleiku, Pleiku - Krông Buk - Nha Trang, Đa Nhim - Nha Trang, Hoà Khánh - Huế , Bản Lả – Vinh, A Vương I – Đà Nẵng, Quy Nhơn – Tuy Hòa, Tuy Hòa – Nha Trang, Thái Nguyên – Tuyên Quang, v.v...
- Các đường dây 110kV: Pleiku - Kon Tum, KrôngBuk - Buôn Ma Thuột, Quận 3 - An Điền, Đà Nẵng - Dốc Sỏi , KrôngBuk - EaKar, KonTum - ĐăkTô, Đồn Phó - An Khê, Dốc Sỏi - Kỳ Hà, Đông Hà - Lao Bảo, Thác Mơ - Bù Đăng, Dốc Sỏi - Quảng Ngãi, Đông Hà- Lao Bảo, Quận 3 - Điện Nam - Điện Ngọc,v.v...
- Các Trạm biến áp 500kV: Quảng Ninh, Đăk Nông, Phố Nối, Thanh Mỹ, v.v...
- Các Trạm biến áp 220kV: Hòa Khánh, Dốc Sỏi, KrôngBuk, Quy Nhơn, Tuy Hòa...
- Các Trạm biến áp 110kV: Vĩnh Linh, Cầu Hai ,Đồng Hới, Huế, Ba Đồn, Lao Bảo, Diên Hồng, Xuân Hà, Cầu Đỏ, Kỳ Hà, Thăng Bình, Đức Phổ, Quảng Ngãi ,Tĩnh Phong, Bình Sơn Phú Tài, Tuy An, Tuy Hòa, Tuy Hòa 2, Phù Cát , Điện Nam-Điện Ngọc, Dung Quất, An Nhơn, An Điền, Ninh Hòa, Nha Trang, Đồng Đế, ĐăkTô, EaKar, An Khê, Chư Sê, Đăk Nông, khu công nghiệp Suối Dầu, Sông Cầu, Vạn Giã, Cam Ranh... Ngoài ra Công ty còn tham gia khảo sát, thiết kế Dự án năng lượng nông thôn Việt Nam khu vực miền Trung của 4 tỉnh: Gia Lai, ĐăkLăk, Quảng Ngãi, Phú Yên gồm 140 xã.



Toàn cảnh Công trình thủy điện Buôn Tua Srah



**Đường dây 500kV Bắc – Nam (Mạch 1)
Đoạn Đà Nẵng – Buôn Mê Thuột**

Phân tích SWOT

Điểm mạnh:

- Lực lượng cán bộ quản lý và chuyên môn khoa học - kỹ thuật của Công ty đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm. Trong những năm gần đây, bộ máy, quy mô sản xuất, lĩnh vực tư vấn và địa bàn hoạt động của Công ty ngày càng phát triển, các dự án Công ty thực hiện có quy mô lớn, phức tạp. Công ty đã thiết lập mối quan hệ hợp tác với các công ty tư vấn trong nước và nhiều tổ chức tư vấn nước ngoài, tổ chức sản xuất kinh doanh, chế tạo thiết bị, đầu tư xây dựng về lĩnh vực năng lượng trong và ngoài nước. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ngày một phát triển cao hơn.
- Phương tiện, thiết bị chuyên dùng phục vụ công tác khảo sát, thiết kế liên tục được đầu tư đổi mới với công nghệ tiên tiến, hiện đại. Công ty đã xây dựng, duy trì và áp dụng có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 phù hợp với thông lệ quốc tế với mục tiêu luôn đảm bảo, đáp ứng đầy đủ yêu cầu về chất lượng sản phẩm tư vấn của khách hàng và không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, Công ty đã được Tổ chức BVQI – Vương quốc Anh (nay là tổ chức BUREAU VERITAS CERTIFICATION) chứng nhận và tái đánh giá định kỳ hàng năm.
- Với quá trình xây dựng phát triển và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong những năm qua, Công ty đã tạo dựng được một thương hiệu tốt và sự tin tưởng của khách hàng trong lĩnh vực tư vấn xây dựng điện.
- Đội ngũ cán bộ lãnh đạo của Công ty có năng lực và nhiều kinh nghiệm, năng động, sáng tạo trong quản lý; tập thể CBCNV trẻ, có nhiệt huyết, gắn bó với Công ty... là những yếu tố chủ yếu góp phần tạo nên sức mạnh của PECC4, giúp Công ty phát triển ổn định và bền vững. Trong nhiều năm qua, Công ty luôn đạt sự tăng trưởng cao về doanh thu, lợi nhuận. Chỉ tính riêng 8 năm gần đây (2000-2007), giá trị doanh thu tư vấn khảo sát, thiết

kế đã tăng gấp 10 lần. Giá trị doanh thu thực hiện năm 2000 đạt 8,671 tỷ đồng, đến năm 2007 đạt 85,976 tỷ đồng

Điểm yếu:

- Cơ sở làm việc hiện tại của Công ty không đáp ứng đủ diện tích so với quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Chi phí tư vấn thấp so với mặt bằng giá cả hiện nay.
- Nguồn vốn kinh doanh còn hạn chế.

Cơ hội:

- Việt Nam tham gia các tổ chức thế giới, đặc biệt gia nhập WTO sẽ đem lại sự đổi mới cho môi trường kinh tế, tạo thêm những cơ hội kinh doanh mới cho Công ty.
- Theo các chỉ tiêu về định hướng phát triển kinh tế đất nước giai đoạn 2006-2010 và tình hình làn sóng đầu tư của nước ngoài đang gia tăng mạnh mẽ đã đẩy nhu cầu đầu tư xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng, các ngành kinh tế xã hội của đất nước ngày một cao hơn. Đặc biệt là nhu cầu đầu tư xây dựng phát triển hệ thống nguồn và lưới điện để đảm bảo đáp ứng đầy đủ điện năng cho phát triển kinh tế xã hội và an ninh năng lượng của đất nước. Theo dự báo mới nhất, tốc độ phát triển phụ tải giai đoạn 2006-2015 có xét đến năm 2025 phương án cao có thể lên đến 20-22%. Đây là tiềm năng về thị trường của các dịch vụ tư vấn đầu tư xây dựng nói chung và chuyên ngành tư vấn đầu tư xây dựng phát triển điện - lĩnh vực hoạt động truyền thống của công ty - nói riêng. Ngoài ra điều này cũng mở ra cơ hội lớn cho hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năng mà Công ty đang hướng tới.
- Tăng vốn đầu tư thông qua việc phát hành cổ phiếu trên thị trường chứng khoán.

Thách thức:

- Nguy cơ về hiện tượng chảy máu chất xám là điều khó tránh khỏi đối với các đơn vị tư vấn, nhất là trong giai đoạn hiện nay, khi mà có nhiều thành phần kinh tế sẵn sàng trả lương cao cho các kỹ sư có năng lực, kinh nghiệm và có trình độ ngoại ngữ. Hơn nữa, việc thu hút đội ngũ kỹ sư có năng lực là điều đặc biệt khó khăn đối với các đơn vị đóng ở địa bàn miền Trung, nơi thực trạng và tiềm lực phát triển kinh tế vẫn đi sau nhiều so với miền Nam và miền Bắc.
- Các trang thiết bị chuyên dùng phục vụ khảo sát, thí nghiệm và đặc biệt các phần mềm tính toán chuyên dùng cần thiết cho công tác tư vấn là khá đắt so với doanh thu khảo sát thiết kế theo đơn giá hiện hành. Do đó, việc đảm bảo doanh thu, lợi nhuận của Công ty, đưa Công ty phát triển bền vững là một thách thức rất lớn đối với tập thể CBCNV Công ty.
- Các qui định về pháp luật còn nhiều chông chéo, thiếu đồng bộ, gây không ít khó khăn cho lĩnh vực tư vấn.

8.2 Triển vọng phát triển của ngành

Theo Quyết định phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2006 - 2015 có xét đến năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ số 110/2007/QĐ-TTg ngày 18/07/2007 (Quy hoạch điện VI), nhu cầu phụ tải và phát triển nguồn điện, lưới điện như sau:

Về nhu cầu phụ tải:

Đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của cả nước với mức tăng GDP khoảng 8,5% - 9%/năm giai đoạn 2006 - 2010 và cao hơn, dự báo nhu cầu điện nước ta tăng ở mức 17% năm (phương án cơ sở), 20% năm (phương án cao) trong giai đoạn 2006 - 2015, trong đó xác định phương án cao là phương án điều hành, chuẩn bị phương án 22% năm cho trường hợp tăng trưởng đột biến.

Về phát triển nguồn điện:

- Phát triển nguồn điện phải đáp ứng nhu cầu phụ tải nêu trên. Đảm bảo thực hiện tiến độ xây dựng các nhà máy thủy điện có các lợi ích tổng hợp như: chống lũ, cấp nước, sản xuất điện; phát triển hợp lý có hiệu quả các nguồn nhiệt điện khí; đẩy mạnh xây dựng nhiệt điện than; phát triển thủy điện nhỏ, năng lượng mới và tái tạo cho các vùng sâu, vùng xa, miền núi, biên giới, hải đảo; chủ động trao đổi điện năng có hiệu quả với các nước trong khu vực; đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia và phát triển bền vững. Hoàn thành giai đoạn chuẩn bị đầu tư Dự án nhà máy điện hạt nhân, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.
- Phát triển phù hợp các trung tâm điện lực ở các khu vực trong cả nước nhằm đảm bảo tin cậy cung cấp điện tại chỗ và giảm tổn thất kỹ thuật trên hệ thống điện quốc gia cũng như đảm bảo tính kinh tế của các dự án, góp phần phát triển kinh tế - xã hội cho từng vùng và cả nước.
- Phát triển nguồn điện mới phải tính toán với các phương án đầu tư chiều sâu và đổi mới công nghệ các nhà máy đang vận hành; đáp ứng tiêu chuẩn môi trường; sử dụng công nghệ hiện đại đối với các nhà máy điện mới.
- Phát triển các nguồn điện theo các hình thức đã được nhà nước quy định, Bộ Công nghiệp xác định tỷ lệ hợp lý các dự án áp dụng hình thức đầu tư BOT, BOO.

Giai đoạn 2006-2025 (Phương án cơ sở): Xây dựng và đưa vào vận hành 215 nhà máy điện với công suất thiết kế 170.268 MW.

Về phát triển lưới điện:

- Phát triển lưới điện truyền tải và phân phối một cách đồng bộ với chương trình phát triển nguồn điện. Thực hiện việc hiện đại hóa và từng bước ngầm hóa lưới điện các thành phố, thị xã hạn chế tác động xấu đến cảnh quan, môi trường. Áp dụng các biện pháp giảm tổn thất điện năng theo quy định.

Giai đoạn 2006-2025: xây dựng 66 trạm biến áp 500kV với tổng công suất là 19.650 MVA, 490 trạm biến áp 220 kV với tổng công suất là 132.241 MVA; 21.448,7 km đường dây 500 kV, 18.143 km đường dây 220 kV.

Là một công ty con của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Công ty có nhiều thuận lợi và điều kiện phát triển trong lĩnh vực tư vấn xây dựng điện và các dịch vụ liên quan khác.

8.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Trong năm 2008, để đạt được các mục tiêu lớn như đảm bảo đủ điện cho phát triển kinh tế xã hội và triển khai đầu tư các công trình trong Quy hoạch điện VI, Tập đoàn Điện lực Việt Nam phân đấu hoàn thành các nhiệm vụ kế hoạch như sau:

- Tập trung nguồn lực chuẩn bị đầu tư và triển khai các công trình nguồn và lưới điện trong Quy hoạch điện VI được Chính phủ giao làm chủ đầu tư; Đáp ứng cơ bản nhu cầu điện năng cho phát triển kinh tế xã hội với tốc độ tăng trưởng nhu cầu điện từ 15-16% so với năm 2007, đảm bảo điện cho sản xuất, triệt để tiết kiệm điện.
- Tiếp tục phát triển kinh doanh đa ngành trên cơ sở đánh giá kỹ lưỡng hiệu quả đầu tư; Tăng cường hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước.
- Tiếp tục hoàn thiện thị trường điện nội bộ và chuẩn bị các điều kiện của thị trường phát điện cạnh tranh theo chỉ đạo của Bộ Công thương.

Bên cạnh đó, theo phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực Việt Nam giai đoạn 2006-2015 có xét triển vọng đến năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ số số 110/2007/QĐ-TTg ngày 18/07/2007 và căn cứ vào tốc độ tăng trưởng kinh tế trong những năm tiếp theo cho thấy nhu cầu đầu tư xây dựng phát triển của các ngành kinh tế - xã hội của đất nước sẽ ngày một cao hơn. Trong đó, đặc biệt là nhu cầu đầu tư xây dựng hệ thống nguồn và lưới điện để đảm bảo cung ứng đầy đủ cho các ngành kinh tế - xã hội và an ninh năng lượng lâu dài của đất nước.

Trong xu thế phát triển và hội nhập với thế giới, Việt Nam phải thực hiện đầu tư và phát triển đồng bộ hệ thống cơ sở hạ tầng, quản lý nền kinh tế phát triển bền vững và ổn định, đảm bảo an ninh năng lượng và nhu cầu phát triển của toàn xã hội. Trong đó tất yếu phải đòi hỏi sự phát triển của ngành điện. Căn cứ vào dự báo tình hình kinh tế trong nước và quốc tế, chiến lược phát triển của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, ban lãnh đạo Công ty đã đặt ra mục tiêu đưa Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4 trở thành một đơn vị tư vấn đa ngành với định hướng chiến lược như sau:

- Củng cố, phát triển thị trường dịch vụ tư vấn khảo sát thiết kế ngành điện và mở rộng kinh doanh đa ngành sang lĩnh vực bất động sản, đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện.
- Tiếp tục đầu tư củng cố và phát triển ngành nghề truyền thống về lĩnh vực tư vấn xây dựng điện trên địa bàn trong nước và các nước Lào, Campuchia. Mặt khác, tích cực, chủ động nghiên cứu việc mở rộng phát triển sản xuất kinh doanh đa ngành nghề phù hợp với mô hình tổ chức hoạt động và đặc điểm điều kiện thực tế của Công ty, trên cơ sở đánh giá kỹ lưỡng hiệu quả đầu tư. Cụ thể, thẩm định lựa chọn dự án, đối tác, các tổ chức để tham gia góp vốn liên doanh đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện và kinh doanh bất động sản, v.v...

9. Chính sách đối với người lao động

9.1 Cơ cấu lao động trong Công ty

Tính đến thời điểm 31/12/2007, tổng số lao động của Công ty là 524 người

Bảng 11: Cơ cấu lao động phân theo trình độ học vấn

| STT | Trình độ học vấn | Số lượng (người) |
|-----|--|---------------------|
| 1 | Lao động có trình độ trên đại học | 17 |
| 2 | Lao động có trình độ đại học | 295 |
| 3 | Lao động có trình độ trung cấp, cao đẳng | 82 |
| 4 | Công nhân kỹ thuật | 130 |
| | Tổng cộng | 524 |

(Nguồn: Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4)

Bảng 12: Cơ cấu lao động phân theo thời hạn hợp đồng

| STT | Thời hạn hợp đồng | Số người |
|-----|-------------------------|------------|
| 1 | Không xác định thời hạn | 263 |
| 2 | Từ 1 đến 3 năm | 237 |
| 3 | Theo mùa vụ | 24 |
| | Tổng cộng | 524 |

(Nguồn: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 4)

Lực lượng lao động chủ yếu của Công ty là đội ngũ kỹ sư tư vấn. Công ty đã tập trung đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, bổ sung phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là đội ngũ chuyên gia giỏi, nâng cao trình độ năng lực chuyên môn, khoa học kỹ thuật, quản lý, xây dựng được đội ngũ CBCNV lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng, trở thành yếu tố quyết định mọi thành công của Công ty.

Hiện nay, toàn Công ty có 48 Chủ nhiệm đề án, 89 Kỹ sư được cấp chứng chỉ hành nghề thiết kế và 44 Kỹ sư được cấp chứng chỉ hành nghề khảo sát, đáp ứng được yêu cầu về điều kiện năng lực trong lĩnh vực xây dựng cơ bản theo quy định tại Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/2/2005 của Chính phủ.

Hầu hết các kỹ sư được đào tạo nâng cao, chuyên sâu về các lĩnh vực: kỹ thuật, chuyên môn, ngoại ngữ, lập và sử dụng các chương trình phần mềm tính toán thiết kế, quản trị kinh doanh, môi trường tái định cư, phân tích kinh tế tài chính, quản lý dự án... đủ trình độ lập dự án đầu

tư xây dựng các công trình điện ở tất cả các giai đoạn theo tiêu chuẩn Việt Nam và Quốc tế, tham gia phối hợp với các tổ chức tư vấn khác trong và ngoài nước thực hiện tư vấn đầu tư xây dựng các công trình điện nhằm từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm tư vấn ngang bằng với các nước trong khu vực, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường trong nước và khu vực Đông Nam Á.



Làm việc với Korea East – West Power Co.Ltd và Inter Biz Corp về quan hệ hợp tác và cơ hội phát triển các nhà máy Nhiệt điện than ở miền Trung.



Làm việc với Tập đoàn SVEZ – ENERGY INTERNATIONAL (Bỉ) về hợp tác tư vấn xây dựng các công trình điện tại Việt Nam.

9.2 Chính sách đối với người lao động

Chính sách đãi ngộ

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 4 đặc biệt chú trọng đến nhân tố con người, đặt người lao động vào vị trí trung tâm trong quá trình xây dựng và phát triển doanh nghiệp. Công ty quan tâm đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, tạo điều kiện, môi trường làm việc tốt để người lao động yên tâm, gắn bó, làm việc lâu dài tại Công ty; tạo điều kiện phát huy sáng tạo, tạo ra các giá trị gia tăng mới vì sự phát triển bền vững của Công ty và vì lợi ích của mỗi người lao động trong Công ty. Công ty thực hiện đầy đủ các quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động theo đúng quy định của pháp luật.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Công ty xây dựng và thực hiện chính sách tiền lương phù hợp với đặc trưng của ngành nghề kinh doanh và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của nhà nước. Việc trả lương được căn cứ vào trình độ, năng lực và gắn với hiệu quả công việc của cán bộ, công nhân viên, từ đó khuyến khích người lao động làm việc hăng say, tăng năng suất, góp phần xây dựng và phát triển Công ty. Công ty có chính sách đãi ngộ thích đáng để khuyến khích động viên nhân viên giỏi, đặc biệt là các cán bộ có năng lực làm chủ nhiệm đề án, chủ nhiệm thiết kế, chủ trì thiết kế, kỹ sư tư vấn giám sát trưởng. v.v...

Chính sách khen thưởng phúc lợi: Để kịp thời khuyến khích, động viên, tuyên dương lao động giỏi, lao động có sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong sản xuất, tích cực cải tiến phương

pháp làm việc, Công ty thực hiện chính sách thưởng định kỳ và thưởng đột xuất cho những cá nhân có đóng góp tích cực, đem lại hiệu quả kinh tế cho Công ty.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Công ty thực hiện tuyển dụng nhân sự qua các nguồn sinh viên khá, giỏi tốt nghiệp các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp trên địa bàn các tỉnh trên cả nước, phần lớn là các tỉnh miền Trung và miền Bắc. Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút những người có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật, tay nghề, năng lực thực tiễn đáp ứng yêu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh của Công ty. Đối với các vị trí chủ chốt, yêu cầu tuyển dụng rất khắt khe, phải đáp ứng các tiêu chuẩn bắt buộc về trình độ chuyên môn, năng lực quản lý, khả năng phân tích và dự báo.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng được Công ty đặc biệt quan tâm, chú trọng. Hàng năm, Công ty đã tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên môn và tay nghề cho công nhân viên. Hình thức đào tạo rất đa dạng như đào tạo tại chỗ, đào tạo tập trung, đào tạo tại chức, đào tạo ở nước ngoài... Đối với lao động mới tuyển dụng, Công ty tổ chức đào tạo nghiệp vụ để trang bị cho người lao động những kiến thức, kỹ năng cần thiết phục vụ cho công việc. Ngoài ra, Công ty còn tạo điều kiện bố trí công việc phù hợp để những lao động có khả năng phát triển mà có nhu cầu học tập nâng cao trình độ đi học các khóa đào tạo tập trung, đào tạo ở nước ngoài.

10. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo điều lệ của Công ty, tỷ lệ cổ tức hàng năm do Hội đồng quản trị đề xuất và do Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

Công ty chỉ được trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi, hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

Công ty phải đảm bảo sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các khoản nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả

Cổ đông được chia cổ tức theo tỷ lệ vốn góp. Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị căn cứ trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính và kế hoạch kinh doanh của các năm tới.

Chính sách cổ tức của Công ty đảm bảo quyền lợi cho cổ đông và khả năng mở rộng sản xuất và tăng trưởng trong tương lai.

Công ty đặt mục tiêu phấn đấu gia tăng doanh thu, lợi nhuận để đảm bảo mức chi trả cổ tức cho cổ đông năm sau cao hơn năm trước.

11. Tình hình hoạt động tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Riêng năm 2007, chia làm 02 giai đoạn: Giai đoạn 01/01/2007 đến 31/07/2007, Công ty hoạt động dưới hình thức Doanh nghiệp nhà nước; Giai đoạn 01/08/2007 đến 31/12/2007 là giai đoạn Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần. Các

báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán của Việt Nam.

Đến nay, Công ty chưa hoàn tất việc bàn giao tài sản và nguồn vốn từ Công ty Tư vấn xây dựng điện 4 nên một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính tại thời điểm 31/7/2007 và 31/12/2007 có thể bị thay đổi khi có sự khác nhau giữa tài sản và nguồn vốn nhận bàn giao chính thức được phê duyệt so với số liệu được Công ty tạm ghi nhận vào Báo cáo tài chính. (*Chi tiết xem mục 7.1 phần IV*).

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản

a. Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc: 10 – 25 năm
- Máy móc thiết bị: 5 – 10 năm
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn: 6 – 10 năm
- Thiết bị văn phòng: 3 – 5 năm
- TSCĐ khác: 5 – 10 năm

b. Mức thu nhập bình quân

Năm 2006, Công ty duy trì mức thu nhập bình quân của người lao động là 5.850.100 đồng/tháng. Năm 2007, mức thu nhập bình quân đạt 6.061.000 đồng/tháng.

c. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay đến hạn.

d. Các khoản phải nộp theo luật định

Hàng năm, Công ty luôn nộp ngân sách vượt kế hoạch từ năm 1995 đến nay. Công ty liên tục được Bộ Tài chính tặng bằng khen (2002; 2003; 2004; 2005; 2006) và UBND tỉnh Khánh Hòa tặng bằng khen (từ năm 1995 đến 2007) vì hoàn thành sớm chỉ tiêu thu nộp ngân sách. Đặc biệt năm 2007, Công ty được UBND tỉnh Khánh Hòa đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen vì sớm hoàn thành chỉ tiêu thu nộp ngân sách.

e. Trích lập các quỹ theo luật định

Theo Điều lệ của Công ty, hàng năm lợi nhuận của Công ty sau khi nộp thuế cho Nhà nước theo quy định sẽ được dùng để trích lập các quỹ và chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quyết định của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông. Mức trích lập các quỹ và mức chi trả cổ tức do HĐQT đề xuất và phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Việc phân phối lợi nhuận năm 2006 tại công ty theo điều 27 Nghị định số 199/2004/NĐ - CP, riêng việc phân phối 2 quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2006 theo Thông tư số 11/2007/TT-BTC.

Bảng 13: Bảng kê việc trích lập quỹ từ lợi nhuận năm 2006

Đơn vị: đồng

| STT | Nội dung trích lập | Số tiền | Ghi chú |
|-----|--------------------------|---------------|--------------------------------|
| 1 | Quỹ khen thưởng phúc lợi | 3.244.263.827 | |
| 2 | Quỹ đầu tư phát triển | | Không trích lập trong năm 2006 |

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán Công ty Tư vấn xây dựng điện 4 trong 7 tháng đầu năm 2007)

Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2007 sẽ được ĐHCĐ thường niên năm 2008 quyết định. Công ty dự kiến phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2007 như sau:

- Tiền thù lao HĐQT, Ban kiểm soát: 3%
- Chia Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ 2%
- Trích quỹ đầu tư phát triển 30%
- Trích quỹ dự phòng tài chính 10%
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi 5%
- Quý thưởng Ban điều hành 2%
- Chia cổ tức 13,5%/năm tương đương **5,625%/năm tháng cuối năm.**

Còn lại trích vào quỹ đầu tư phát triển.

f. Tổng dư nợ vay:

Số dư các khoản vay và nợ ngắn hạn vào ngày kết thúc niên độ kế toán các năm như sau:

Bảng 14: Tình hình vay và nợ ngắn hạn của Công ty từ năm 2005-2007

Đơn vị: triệu đồng

| Đối tượng | 31/12/2005 | 31/12/2006 | 01/01/2007 31/07/2007 | 01/08/2007 31/12/2007 |
|--------------------|------------|--------------|--------------------------|--------------------------|
| Vay và nợ ngắn hạn | - | 2.000 | - | 1.000 |
| Tổng cộng | | 2.000 | | 1.000 |

(Nguồn: Các Báo cáo tài chính kiểm toán Công ty Tư vấn xây dựng điện 4 năm 2005, 2006 và báo cáo tài chính kiểm toán Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4 giai đoạn 01/08/2007 đến 31/12/2007)

Các khoản vay và nợ ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2006 bao gồm:

Đơn vị: Triệu đồng

| TT | Ngân hàng | Mục đích vay | Lãi suất vay | Thời hạn vay | Dư nợ 31/12/06 |
|------------------|---|----------------------|--------------|---------------------------|----------------|
| 1 | Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam (Eximbank) | Bổ sung vốn lưu động | 0,9%/tháng | 26/12/2006 đến 10/01/2007 | 1.000 |
| 2 | Ngân hàng Đầu tư và Phát triển tỉnh Khánh Hòa | Bổ sung vốn lưu động | 0,93%/tháng | 28/12/2006 đến 28/2/2007 | 1.000 |
| Tổng cộng | | | | | 2.000 |

(Nguồn: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4)

Các khoản vay và nợ ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2007 bao gồm:

Đơn vị: Triệu đồng

| TT | Ngân hàng | Mục đích vay | Lãi suất vay | Thời hạn vay | Dư nợ 31/12/2007 |
|------------------|---|--------------|------------------|---|------------------|
| 1 | Ngân hàng Đầu tư và Phát triển tỉnh Khánh Hòa | Chi phí SXKD | 0,8%-0,85%/tháng | 3 đến 06 tháng (kể từ 31/12/2007 đến 30/6/2008) | 1.000 |
| Tổng cộng | | | | | 1.000 |

(Nguồn: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4)

g. Tình hình công nợ

Các khoản phải thu

Bảng 15: Các khoản phải thu của Công ty qua các năm (2005 - 2007)

Đơn vị: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2005 | 31/12/2006 | 01/01/2007 31/07/2007 | 01/08/2007 31/12/2007 |
|---|---------------|---------------|--------------------------|--------------------------|
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 27.150 | 32.417 | 22.080 | 51.019 |
| - Phải thu khách hàng | 25.404 | 22.208 | 13.415 | 49.143 |
| - Trả trước cho người bán | 1.750 | 2.791 | 3.782 | 2.728 |
| - Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (KH HĐ XD) | 0 | 7.104 | - | - |
| - Các khoản phải thu khác | 146 | 464 | 5.033 | 400 |
| - Dự phòng các khoản phải thu khó đòi | -150 | -150 | -150 | -1.252 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 932 | 932 | 932 | 932 |
| - Phải thu dài hạn của khách hàng | 932 | 932 | 932 | 932 |
| Tổng | 28.082 | 33.349 | 23.012 | 51.951 |

(Nguồn: Các Báo cáo tài chính kiểm toán Công ty Tư vấn xây dựng điện 4 năm 2005, 2006 và báo cáo tài chính kiểm toán Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4 giai đoạn 01/08/2007 đến 31/12/2007)

* Giải trình sự gia tăng đột biến các khoản phải thu theo các năm:

Năm 2006 khoản phải thu theo tiến độ KH HĐ XD năm 2006 tăng 7.104 triệu đồng - đây là các công trình đã được nghiệm thu vào tháng 12/2006 nhưng chưa được các chủ đầu tư thanh toán kịp thời vào ngày 31/12/2006.

Đặc biệt sự gia tăng đột biến khoản phải thu khách hàng đến ngày 31/12/2007 là do khối lượng nghiệm thu khảo sát thiết kế vào 2 tháng cuối năm rất lớn mà các ban A chưa kịp thanh toán. Tuy nhiên, trong năm 2007, Công ty đã cân đối tài chính để tăng hiệu quả sử dụng vốn (chi phí lãi vay năm 2007 là 168 triệu đồng, lãi tiền gửi năm 2007 là 412 triệu đồng). Mặt khác, giá trị doanh thu khảo sát thiết kế năm 2007 được thực hiện chủ yếu là các dự án mà chủ đầu tư thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam nên việc thanh toán được thực hiện ngay sau khi Tập đoàn Điện lực Việt Nam cấp vốn.

Các khoản phải trả

Số dư các khoản phải trả vào ngày kết thúc niên độ kế toán các năm tài chính như sau:

Bảng 16: Tình hình các khoản phải trả của Công ty qua các năm (2005 - 2007)

Đơn vị: triệu đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2005 | 31/12/2006 | 01/01/2007 31/07/2007 | 01/08/2007 31/12/2007 |
|---------------------------------------|---------------|---------------|--------------------------|--------------------------|
| Nợ ngắn hạn | 39.918 | 32.131 | 33.106 | 41.296 |
| - Vay và nợ ngắn hạn | 0 | 2.000 | 0 | 1.000 |
| - Phải trả người bán | 12.645 | 4.884 | 2.653 | 5.225 |
| - Người mua trả tiền trước | 12.963 | 12.077 | 29.391 | 18.070 |
| - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 1.017 | 1.109 | 174 | 2.145 |
| - Phải trả người lao động | 9.216 | 11.015 | 0 | 12.736 |
| - Chi phí phải trả | 329 | 51 | 76 | 28 |
| - Phải trả nội bộ | 3.131 | 0 | 0 | 0 |
| - Các khoản phải trả, phải nộp khác | 617 | 995 | 812 | 2.092 |
| Nợ dài hạn | 189 | 294 | 0 | 31 |
| - Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 189 | 294 | 0 | 31 |
| Tổng | 40.107 | 32.425 | 33.106 | 41.327 |

(Nguồn: Các Báo cáo tài chính kiểm toán Công ty Tư vấn xây dựng điện 4 năm 2005, 2006 và báo cáo tài chính kiểm toán Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4 giai đoạn 01/08/2007 đến 31/12/2007)

* Giải trình lý do khoản mục phải trả người bán giảm đột biến trong năm 2006 so với năm 2005.

Năm 2006, sản lượng thuê ngoài giảm đáng kể so với 2005 và Công ty thực hiện chủ trương thanh toán dứt điểm đối với các B phụ khi có nghiệm thu làm khoản phải trả người bán giảm đáng kể: 7.761 triệu đồng so với số dư đầu năm 2006.

* Giải trình sự gia tăng lớn các khoản phải trả tại thời điểm 31/12/2007

Các khoản phải trả năm 2007 tăng đột biến so với năm 2006 là do sự gia tăng của các khoản *phải trả, phải nộp khác*, khoản *người mua trả tiền trước* và khoản phải trả người lao động

+ Các khoản phải trả, phải nộp khác năm 2007 tăng đột biến so với năm 2006 là do phát sinh khoản phải trả EVN về cổ phần hóa 1.186 triệu đồng.

+ Khoản người mua trả tiền trước là những khoản ứng hợp đồng thực hiện công tác khảo sát thiết kế các dự án công trình điện. Do sự thay đổi trong phương thức quản lý của Ban lãnh đạo công ty cổ phần trong tình hình mới, Công ty đã yêu cầu các chủ đầu tư phải thực hiện việc cam kết ứng trước hợp đồng nên khoản người mua trả tiền trước đã tăng lên đáng kể so với năm 2006.

+ Khoản phải trả người lao động năm 2007 tăng 15,6% so với năm 2006 do quỹ lương năm 2007 cao. Quỹ lương của Công ty được xác định theo công văn 631/CV-EVN-HĐQT ngày 27/7/2007 của EVN. Đơn giá tiền lương đối với doanh thu ghi nhận trong năm như sau:

- ✓ Hoạt động khảo sát tự làm: 519đồng/1000 đồng doanh thu
- ✓ Hoạt động thiết kế tự làm: 510 đồng/1000 đồng doanh thu

Năm 2007 doanh thu tự làm là 77.672 triệu đồng tăng 18,5% so với năm 2006, do vậy quỹ lương của Công ty tại thời điểm 31/12/2007 cao làm tăng các khoản phải trả người lao động.

11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 17: Các chỉ tiêu tài chính của Công ty (2005 - 2007)

| Chỉ tiêu | 2005 | 2006 | 01/01/2007 | 01/08/2007 |
|--|------|------|------------|------------|
| | | | 31/07/2007 | 31/12/2007 |
| Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | | |
| - Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần) | 1,03 | 1,27 | 1,30 | 1,38 |
| - Hệ số thanh toán nhanh (lần) | 0,90 | 1,19 | 0,94 | 1,36 |
| Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | | |
| - Hệ số Nợ/Tổng tài sản (lần) | 0,63 | 0,49 | 0,49 | 0,51 |
| - Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu (lần) | 1,69 | 1,04 | 1,15 | 1,24 |
| Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | | |
| - Vòng quay khoản phải thu (lần) | 3,73 | 3,68 | 0,44 | 1,97 |

| Chỉ tiêu | 2005 | 2006 | 01/01/2007 | 01/08/2007 |
|--|-------|-------|------------|------------|
| | | | 31/07/2007 | 31/12/2007 |
| - Vòng quay tài sản (lần) | 1,26 | 1,14 | 0,18 | 0,91 |
| - Vòng quay hàng tồn kho (lần) | 13,02 | 16,53 | 1,10 | 8,67 |
| Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi | | | | |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%) | 4,40 | 4,74 | 6,05 | 7,79 |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%) | 14,89 | 11,59 | 2,59 | 17,26 |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%) | 5,52 | 5,41 | 1,09 | 7,10 |
| - Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần (%) | 6,10 | 6,49 | 6,01 | 10,81 |

(Nguồn: Các Báo cáo tài chính kiểm toán Công ty Tư vấn xây dựng điện 4 năm 2005, 2006 và báo cáo tài chính kiểm toán Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4 giai đoạn 01/08/2007 đến 31/12/2007)

12. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

12.1 Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị - Ông Phạm Minh Sơn

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 14/10/1959
- Nơi sinh : Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
- CMND : 220897744
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Huyện Hoài Đức - Tỉnh Hà Tây
- Địa chỉ thường trú : 09 Hoàn Kiếm – Nha Trang - Khánh Hòa
- Điện thoại liên lạc : (84-58) 220 333
- Trình độ văn hoá : Đại học
- Trình độ chuyên môn : Kiến trúc sư, Kỹ sư điện
- Quá trình công tác
 - ✓ 02/1984 -1986 Cán bộ Phòng xây dựng - Phân viện Thiết kế điện Nha Trang
 - ✓ 1986 - 1989 Tổ phó, Tổ trưởng Tổ thiết kế phòng Xây dựng - Phân viện Thiết kế điện Nha Trang
 - ✓ 1989 - 1991 Phó phòng Thiết kế Trạm - Phân viện Thiết kế điện Nha Trang
 - ✓ 1991- 4/1998 Trưởng phòng Thiết kế Trạm - Phân viện Thiết kế điện Nha Trang

- ✓ 04/1998 - 8/1999 Trưởng phòng Phát triển điện Nông thôn - Miền núi
- Phân viện Thiết kế điện Nha Trang
- ✓ 8/1999 - 12/2000 Phó Giám đốc Công ty Tư vấn xây dựng điện 4
- ✓ 01/2001 đến nay Giám đốc Công ty Tư vấn xây dựng điện 4 (nay là Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 4)

- Chức vụ hiện tại : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Tư vấn Xây dựng điện 4
- Số cổ phần đại diện phần vốn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam: 825.000 cổ phần, chiếm 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty
- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 20.200 cổ phần, chiếm 0,73% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty:
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan:
 - ✓ Vợ: Huỳnh Lê Thu Tiến, nắm giữ 2.300 cổ phần, chiếm 0,08% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không.

2. Thành viên HĐQT – Ông Nguyễn Thái Sơn

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 01/09/1960
- Nơi sinh : Hoàng Lộc, Hoàng Hóa, Thanh Hóa
- CMND : 010427074
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hoàng Lộc, Hoàng Hóa, Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú : Số 16; ngách 1/2, ngõ 1, phố Tạ Quang Bửu, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại liên lạc : (04) 2201343
- Trình độ văn hoá : Đại học
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ kỹ thuật
- Quá trình công tác

✓ Từ 1982 đến 4/1995 Kỹ sư thiết kế, Công ty Khảo sát Thiết kế điện 1, Bộ Năng lượng

✓ Từ 5/1995 đến nay Công tác tại Ban Thẩm định, Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam).

- Chức vụ hiện tại:

- ✓ Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4.
- ✓ Phó Trưởng Ban Thẩm định, Tập đoàn điện lực Việt Nam;
- Số cổ phần đại diện phần vốn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam: 683.500 cổ phần, chiếm 24,85% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty
- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 1.500 cổ phần, chiếm 0,054% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan:
 - ✓ Vợ: Hoàng Thị Thanh Tâm, nắm giữ 1.000 cổ phần, chiếm 0,04% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không.

3. Thành viên HĐQT – Ông Trần Văn Thọ

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 12/05/1952
- Nơi sinh: Huyện Kim Sơn - Tỉnh Ninh Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quang Thiện - Huyện Kim Sơn - Tỉnh Ninh Bình
- Địa chỉ thường trú: Tổ 62 Phường Trung Tự - Quận Đống Đa - Thành phố Hà Nội
- ĐT liên lạc ở cơ quan: (84-58) 220 335
- Trình độ văn hóa: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thủy công - Thủy điện
- Quá trình công tác:
 - ✓ 1975 - 1978 Kỹ sư Viện Quy hoạch Thiết kế điện Hà Nội
 - ✓ 1978 – 1982 Tổ trưởng – Trung tâm nghiên cứu thiết kế Thủy điện
 - ✓ 1982 – 1996 Tổ trưởng – Công ty Khảo sát Thiết kế Điện 1
 - ✓ 1996 – 12/2003 Phó trưởng đoàn thiết kế Thủy điện 2 – Công ty Khảo sát thiết kế Điện 1
 - ✓ 12/2003 đến nay Phó Giám đốc Công ty Tư vấn xây dựng điện 4
- Chức vụ hiện tại : Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 4

- Số cổ phần nắm giữ : 5.000 cổ phần, chiếm 0,18% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty
- Người có liên quan nắm giữ cổ phần: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không

12.2 Ban Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc – Ông Phạm Minh Sơn

Lý lịch đã trình bày ở mục 12.1.1

2. Phó Tổng Giám đốc – Ông Văn Công Minh

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 26/10/1948
- Nơi sinh: Huyện Hải Lăng - Tỉnh Quảng Trị
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hải Quang - H.Hải Lăng - Tỉnh Quảng Trị
- Địa chỉ thường trú: 06 Trần Quốc Toản - T.Phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa
- ĐT liên lạc ở cơ quan: (84-58) 220 334
- Trình độ văn hóa: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện
- Quá trình công tác:

✓ 1969- 1977 Kỹ thuật viên - Thiết kế công trình điện - Viện Quy hoạch và thiết kế điện Hà Nội

✓ 1977 – 1983 Kỹ thuật viên - Thiết kế công trình điện - Phân viên Thiết kế điện Nha Trang

✓ 1983 - 1994 Phó phòng Tổ chức – Hành chính – Phân viện Thiết kế điện Nha Trang

✓ 1994- 1999 Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính - Phân viện Thiết kế điện Nha Trang

✓ 1999 – 10/2006 Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính kiêm Phó Giám đốc Công ty Tư vấn xây dựng điện 4

✓ 11/2006 đến nay Phó Giám đốc Công ty Tư vấn xây dựng điện 4

- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 4

- Số cổ phần nắm giữ: 9.100 cổ phần, chiếm 0,33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty
- Người có liên quan nắm giữ cổ phần: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không

3. Phó Tổng Giám đốc– Ông Trần Văn Thọ

Lý lịch đã trình bày ở phần 12.1.3

4. Phó Tổng Giám đốc– Ông Trần Hoài Nam

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 04/03/1960
- Nơi sinh: Huyện Sơn Tịnh - Tỉnh Quảng Ngãi
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tịnh Giang - Huyện Sơn Tịnh - Tỉnh Quảng Ngãi
- Địa chỉ thường trú: 150A Lê Hồng Phong - T.Phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa
- ĐT liên lạc ở cơ quan: (84-58) 220 336
- Trình độ văn hóa: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện
- Quá trình công tác:

- | | |
|----------------|---|
| ✓ 1983-1991 | Kỹ sư thiết kế đường dây - Phân viện Thiết kế điện Nha Trang |
| ✓ 1992 /1993 | Phó phòng Thiết kế Đường dây - Phân viện Thiết kế điện Nha Trang |
| ✓ 1993-1999 | Trưởng phòng Thiết kế Đường dây - Phân viện Thiết kế điện Nha Trang |
| ✓ 1999 – 2006 | Trưởng phòng Thiết kế Đường dây - Công ty Tư vấn xây dựng điện 4. |
| ✓ 2006 đến nay | Phó Giám đốc Công ty Tư vấn xây dựng điện 4 |

- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 4
- Số cổ phần nắm giữ: 4.400 cổ phần, chiếm 0,16% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
- Người có liên quan nắm giữ cổ phần:

- ✓ Vợ: Dương Thị Bích Hà, nắm giữ 1.300 cổ phần, chiếm 0,05% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty
- ✓ Em ruột : Trần Ngọc Thủy, nắm giữ 2.200 cổ phần, chiếm 0,08% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không

12.3 Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát – Bà Bùi Việt Hà

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 15/12/1955
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: phường Trần Hưng đạo - Thành phố Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi
- Địa chỉ thường trú: 11 Trịnh Phong – Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa
- ĐT liên lạc ở cơ quan: (84-58) 220 422
- Trình độ văn hóa: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện
- Quá trình công tác:
 - ✓ 1979 – 1989 Kỹ sư thiết kế- Phòng Thiết kế trạm, Phân viện Thiết kế điện Nha Trang
 - ✓ 1989 – 2000 Kỹ sư, quản lý kỹ thuật và kế hoạch phòng kế hoạch kỹ thuật - Phân viện Thiết kế điện Nha Trang
 - ✓ 2000 – 2002 Phó trưởng phòng, phụ trách phòng nghiên cứu khoa học kỹ thuật và quản lý chất lượng, Công ty TVXD Điện 4 –Nha Trang
 - ✓ 2002 – 2003 Trưởng phòng nghiên cứu khoa học kỹ thuật-quản lý chất lượng và môi trường, Công ty TVXD Điện 4 –Nha Trang
 - ✓ 2003 đến 07/2007 Chuyên viên Phòng Kỹ thuật, Công ty TVXD Điện 4 –Nha Trang
 - ✓ 08/2007 đến nay Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 4
- Chức vụ hiện tại: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 4

- Số cổ phần nắm giữ: 4.800 cổ phần, chiếm 0,17% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty
- Người có liên quan nắm giữ cổ phần: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không

2. Thành viên Ban kiểm soát – Bà Nguyễn Minh Hằng

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 03/12/1972
- Nơi sinh: Huyện Thanh Trì - Thành phố Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: 12E Hoàng Hoa Thám - T.Phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa
- ĐT liên lạc ở cơ quan: (84-58) 220 422
- Trình độ văn hóa: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính - Kế toán
- Quá trình công tác:

✓ 01/1994 – 03/2004 Kế toán Khách sạn Viễn Đông – Nha Trang

✓ 04/2004 – 07/2007 Kế toán Công ty Tư vấn xây dựng điện 4

✓ 08/2007 đến nay Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 4

- Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 4
- Số cổ phần nắm giữ: 1.200 cổ phần, chiếm 0,04% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty
- Người có liên quan nắm giữ cổ phần: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không

3. Thành viên Ban kiểm soát – Ông Nguyễn Duy Quốc Việt

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 13/01/1974
- Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh

- ĐT liên lạc ở cơ quan: (84-58) 220 345
- Trình độ văn hóa: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính – Tín dụng
- Quá trình công tác:
 - ✓ 1988 -1990: Kế toán vật tư, tài sản, thanh toán - Phân viện TK Điện Nha Trang
 - ✓ 1990 -1994: Kế toán tổng hợp Phân viện Thiết kế Điện Nha Trang
 - ✓ 1994 - 1997: Quyền Trưởng phòng Tài chính - Phân viện Thiết kế Điện Nha Trang
 - ✓ 1997- 1999: Trưởng phòng Tài chính kế toán
 - ✓ 1999 đến nay: Kế toán trưởng Công ty Tư vấn xây dựng điện 4 - Nha Trang
- Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 4
- Số cổ phần nắm giữ: 12.100 cổ phần, chiếm 0,44% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty
- Người có liên quan nắm giữ cổ phần:
 - ✓ Vợ: Nguyễn Thị Quế Nga, nắm giữ 900 cổ phần, chiếm 0,03% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không

13. Tài sản

Bảng 18: Tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2007 (*)

Đơn vị: triệu đồng

| TT | Tài sản | Nguyên giá | Giá trị còn lại | Khấu hao | Tỷ lệ còn lại (%) |
|-----------|---------------------------------|------------|-----------------|----------|-------------------|
| I | Tài sản hữu hình | | | | |
| 1 | Nhà cửa, vật kiến trúc | 5.804 | 4.926 | 878 | 84,8 |
| 2 | Máy móc thiết bị | 8.494 | 4.272 | 4.222 | 50,3 |
| 3 | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 9.580 | 4.619 | 4.961 | 48,2 |
| 4 | Thiết bị dụng cụ quản lý | 1.238 | 668 | 570 | 54,0 |
| 4 | Tài sản cố định khác | | | | |
| II | Tài sản vô hình | | | | |
| 1 | Quyền sử dụng đất | 5.330 | 5.330 | 0 | 100,0 |
| 2 | Phần mềm máy vi tính | 815 | 268 | 547 | 32,9 |

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4 giai đoạn 01/08/2007 đến 31/12/2007)

Ghi chú:

(*)

Quyền sử dụng đất được xác định lại theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2005.

Tài sản cố định vô hình khác:

Căn cứ Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp Công ty Tư vấn xây dựng điện 4 tại thời điểm 31/12/2005, **chênh lệch vốn nhà nước** giữa giá trị thực tế và giá trị sổ sách kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 31/12/2005 để cổ phần hóa theo phương pháp DCF (không bao gồm chênh lệch về giá trị quyền sử dụng đất) có giá trị là 2.070.001.324 đồng, cụ thể:

| Chỉ tiêu | Số liệu sổ sách kế toán (thời điểm 31/12/2005) | Số liệu xác định lại (thời điểm 31/12/2005) | Chênh lệch |
|---|---|--|---------------------------|
| Vốn nhà nước | 23.662.451.049 đồng | 27.441.602.373 đồng | 3.779.151.324 đồng |
| Trong đó giá trị quyền sử dụng đất | 3.620.850.000 đồng | 5.330.000.000 đồng | 1.709.150.000 đồng |
| Chênh lệch vốn nhà nước không bao gồm chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất | | | 2.070.001.324 đồng |

Tại báo cáo tài chính kiểm toán Công ty Tư vấn xây dựng điện 4 thời điểm 31/7/2007, **chênh lệch vốn nhà nước** nêu trên được hoạch toán vào tài sản cố định vô hình khác có nguyên giá là 2.070.001.324 đồng. Tuy nhiên, trên báo cáo tài chính kiểm toán Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4 tại thời điểm 31/12/2007, tổ chức kiểm toán đã phân loại lại khoản **chênh lệch vốn nhà nước** nêu trên vào hạng mục **chi phí trả trước dài hạn** theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính. Vì vậy, trên báo cáo tài chính kiểm toán Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4 thời điểm 31/12/2007, tài sản cố định vô hình không bao gồm hạng mục **tài sản cố định vô hình khác**.

Tình hình sử dụng đất đai, của Công ty tại thời điểm 31/12/2007**Bảng 19:** Bảng kê đất đai sử dụng tại thời điểm 31/12/2007

| STT | Địa điểm | Diện tích (m ²) | | Hình thức sở hữu |
|-----|--|-----------------------------|-------|-------------------------------------|
| | | Đất | Nhà | |
| 1 | Trụ sở làm việc của Công ty tại 11 Hoàng Hoa Thám – Nha Trang – Khánh Hòa | 855 | 2.300 | Được giao |
| 2 | Trụ sở làm việc của Công ty tại 38 Lê Thành Phương – Nha Trang – Khánh Hòa | 432 | 486 | Nhà, đất thuê hàng năm của Nhà nước |

| | | Diện tích (m ²) | | |
|---|--|-----------------------------|-----|--|
| | | | | |
| 3 | Trụ sở làm việc của Công ty tại 137 Thống Nhất – Nha Trang – Khánh Hòa | 216 | 864 | Thuê trong thời hạn 50 năm trả tiền một lần. |
| 4 | Nhà ăn tập thể, nhà khách tại 24 yết Kiêu– Nha Trang – Khánh Hòa | 49 | 98 | Thuê trong thời hạn 50 năm trả tiền một lần. |
| 5 | Kho bãi tại phường Bình Tân – Nha Trang- Khánh Hòa | 900 | | Thuê trả tiền hàng năm |

(Nguồn: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 4)

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2008-2010

14.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức

Bảng 20: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức thời kỳ 2008 - 2010

| Chỉ tiêu | Năm 2008 | Năm 2009 | | Năm 2010 | |
|--------------------------------|----------------------|----------------------|-------------------------------|----------------------|-------------------------------|
| | Giá trị (Triệu đồng) | Giá trị (Triệu đồng) | % tăng (giảm) so với năm 2008 | Giá trị (Triệu đồng) | % tăng (giảm) so với năm 2009 |
| Doanh thu thuần | 110.000 | 150.000 | 36,36 | 190.000 | 26,67 |
| Lợi nhuận trước thuế | 12.000 | 16.500 | 37,50 | 21.000 | 27,27 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp (*) | 3.000 | 4.125 | 37,50 | 5.250 | 27,27 |
| Lợi nhuận sau thuế (**) | 9.000 | 12.375 | 37,50 | 15.750 | 27,27 |
| Vốn chủ sở hữu | 48.266 | 62.163 | 28,79 | 70.637 | 13,63 |
| Tỷ lệ LNST/Doanh thu thuần | 8,18 % | 8,25 % | 0,07 | 8,29 % | 0,04 |
| Tỷ lệ LNST/Vốn chủ sở hữu | 18,65 % | 19,91 % | 1,26 | 22,30% | 2,39 |
| EPS (đồng) | 2.118 | 2.152 | 1,6 | 2.423 | 12,59 |
| Vốn điều lệ (***) | 42.500 | 57.500 | 35,29 | 65.000 | 13,04 |
| Tỷ lệ cổ tức | 14% | 15% | 1 | 17% | 2 |

(Nguồn: Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4, thuế thu nhập doanh nghiệp dự kiến 25%)

Ghi chú:

(*) Công ty xây dựng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2008-2010 với thuế suất thuế thu nhập dự kiến 25%. Hiện nay Bộ Tài chính đang tổ chức lấy ý kiến xây dựng dự thảo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp mới, trong đó, thuế suất phổ thông dự kiến sẽ hạ từ mức 28% hiện hành xuống còn 25%⁴.

⁴ Nguồn: <http://vnexpress.net/Vietnam/Kinh-doanh/2008/02/3B9FF28D/>

14.2 Chiến lược phát triển

Với định hướng là tiếp tục củng cố duy trì phát triển dịch vụ tư vấn khảo sát thiết kế điện ở địa bàn các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên, mở rộng đối tác và vùng hoạt động trên khắp cả nước; mở rộng lĩnh vực kinh doanh đa ngành sang lĩnh vực đầu tư bất động sản, đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện và kinh doanh điện năng, các chiến lược và giải pháp của Công ty trong tương lai tập trung vào:

Chiến lược marketing

- Mở rộng, quan hệ tốt với các đối tác trong nước và nước ngoài nhằm tìm kiếm được nhiều dự án lớn có tầm quan trọng và những sự hợp tác ổn định, lâu dài, hiệu quả.
- Đẩy mạnh công tác chăm sóc khách hàng nhằm duy trì mối quan hệ chặt chẽ với các khách hàng truyền thống, khai thác những nhu cầu trong tương lai nhằm tiến tới những cơ hội kinh doanh, hợp tác đầu tư mới.

Đầu tư nâng cấp máy móc thiết bị

- Hiện nay, tiến độ và chất lượng các dịch vụ khảo sát thiết kế sẽ tạo nên sự cạnh tranh khốc liệt giữa các doanh nghiệp trong cùng ngành. Để tăng lợi thế cạnh tranh được, Công ty sẽ đẩy mạnh hơn nữa việc nghiên cứu kỹ thuật và tăng cường đầu tư máy móc thiết bị hiện đại từ những nước phát triển.

Nguồn nhân lực

- Đối với các đơn vị tư vấn, nguồn nhân lực là giá trị cốt lõi quyết định sự thành công cho doanh nghiệp. Để có đội ngũ cán bộ, công nhân có kinh nghiệm, trình độ giỏi, tay nghề cao và đam mê với công việc, Công ty đã và đang hoạch định phương hướng đầu tư nguồn nhân lực như tăng cường công tác đào tạo nghiệp vụ, tạo điều kiện làm việc tốt, có các chế độ chính sách, lương thưởng xứng đáng, khuyến khích CBNV phát huy tối đa năng lực sáng tạo của mình nhằm thu hút lao động giỏi tay nghề cao và cán bộ quản lý có kinh nghiệm.

14.3 Kế hoạch tăng vốn điều lệ

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường ngày 24/1/2008, kế hoạch tăng vốn điều lệ trong năm 2008 (từ 27,5 tỷ đồng lên 42,5 tỷ đồng) như sau:

- Loại chứng khoán phát hành: Cổ phần phổ thông
- Tổng khối lượng phát hành: 1.500.000 cổ phần tương đương 15 tỷ đồng mệnh giá.
- Đối tượng phát hành:
 - ✓ Chào bán 1.375.000 cổ phần (tương đương 13.750.000.000 đồng tính theo mệnh giá) cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1 (mỗi cổ đông sở hữu 02 cổ phần sẽ được quyền mua 01 cổ phần chào bán thêm, đối với số cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu, số cổ phiếu lẻ sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị) với giá 16.000 đồng.

- ✓ Chào bán 125.000 cổ phần (tương đương 1.250.000.000 đồng tính theo mệnh giá) cho thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và nhân viên Công ty với giá không thấp hơn 40% thị giá tại thời điểm phát hành. Các cổ phần được phát hành cho đối tượng này sẽ chịu hạn chế chuyển nhượng trong 02 năm.
- Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành:
 - ✓ Mở rộng ngành nghề sang lĩnh vực kinh doanh điện năng bằng việc tham gia góp vốn đầu tư xây dựng dự án nhà máy thủy điện Srêpôk 4A tại tỉnh Đắk Lắk, công suất thiết kế dự kiến trên 32MW.
 - ✓ Đầu tư kinh doanh bất động sản thông qua việc tham gia góp vốn vào dự án EVN-Land Nha Trang.
 - ✓ Đầu tư cơ sở vật chất, tăng cường năng lực tài chính cho Công ty.

Bảng 21: Danh sách các dự án đầu tư dự kiến thực hiện

Đơn vị: Triệu đồng

| TT | Tên dự án | Công suất | Tổng mức đầu tư | Vốn đầu tư năm 2007 | Kế hoạch vốn đầu tư năm 2008 | Kế hoạch vốn đầu tư năm 2009 | Kế hoạch vốn đầu tư năm 2010 |
|----|---|-----------|-----------------|---------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| 1 | Tham gia góp vốn vào dự án thủy điện Srêpôk 4A (*) | > 32 MW | > 800.000 | 0 | 15.000 | 15.000 | 10.000 |
| 2 | Tham gia góp vốn vào Công ty CP bất động sản Điện lực Nha Trang (EVN-Land Nha Trang) (**) | | 1.000.000 | 0 | 3.000 | 3.000 | 4.000 |

Chi chú:

(*) Dự án nhà máy thủy điện Srêpôk 4A đã được phê duyệt. Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 4 được giao là chủ đầu tư dự án. Hiện nay, Công ty đang nghiên cứu và lập **dự án** đầu tư, dự kiến hoàn thành 6/2008, tổng mức vốn đầu tư của dự án dự kiến khoảng trên 800 tỷ đồng.

(**) Công ty cổ phần Bất động sản EVN Land Nha Trang có trụ sở tại số 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh, Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3703000333 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Khánh Hòa cấp ngày 12/01/2008, vốn điều lệ của Công ty cổ phần Bất động sản EVN Land Nha Trang 300 tỷ đồng. Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 4 tham gia góp vốn 3 tỷ đồng (tương đương 1% vốn điều lệ).

Dự kiến đến năm 2010, Công ty cổ phần Bất động sản EVN Land Nha Trang sẽ tăng vốn điều lệ lên 1.000 tỷ đồng, trong đó vốn góp của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 4 sẽ tăng lên 10 tỷ đồng (tương đương 1% vốn điều lệ).

14.4 Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty ở trên được lập dựa trên cơ sở tham chiếu kết quả kinh doanh các năm trước, các dự án đang triển khai thực hiện và cơ hội kinh doanh trong tương lai, cụ thể:

- Căn cứ vào dự báo tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế, chiến lược phát kinh tế của Chính phủ cho thấy, Việt Nam đang trên đà phát triển. Điều này là thuận lợi rất lớn đối với nhiều ngành nói chung trong đó có ngành điện...
- Theo phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực Việt Nam giai đoạn 2006-2015 có xét triển vọng đến năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ, nhu cầu đầu tư xây dựng hệ thống nguồn và lưới điện để đảm bảo cung ứng đầy đủ cho các ngành kinh tế - xã hội và an ninh năng lượng lâu dài của đất nước còn rất tiềm năng. Bên cạnh các nhà máy điện chạy than đã và đang được xây dựng tại các tỉnh phía Bắc, Nhà nước và Bộ Công thương chủ trương xây dựng một số nhà máy chạy than ở miền Trung và miền Nam. Mặt khác với chủ trương xã hội hóa công tác đầu tư phát triển nguồn điện, ngoài Tập đoàn Điện lực Việt Nam là đơn vị chủ lực, còn có nhiều Tập đoàn và nhà đầu tư trong và ngoài nước cũng rất quan tâm đến việc đầu tư, xây dựng các công trình nguồn điện. Đây là yếu tố thuận lợi mở ra nhiều cơ hội hợp tác và kinh doanh cho Công ty.
- Công ty thực hiện chính sách tiết kiệm chi phí, tổ chức hợp lý công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh, cải tiến kỹ thuật tăng năng suất lao động, áp dụng các tiến bộ mới về khoa học công nghệ trong sản xuất, đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh, mở rộng quy mô về hoạt động nhằm tối đa hóa doanh thu và lợi nhuận.
- Căn cứ vào một số Hợp đồng lớn đem lại nguồn thu trong tương lai

Bảng 22: Một số hợp đồng lớn đang thực hiện và sắp thực hiện

ĐVT: triệu đồng

| TT | Tên công trình | Bước thực hiện | Số hợp đồng | Ngày ký | Thời gian hoàn thành | Giá trị hợp đồng | Giá trị sắp nghiệm thu |
|------------|----------------------------|----------------|---------------------------|------------|----------------------|------------------|------------------------|
| I | NGUỒN ĐIỆN | | | | | | |
| I.1 | THỦY ĐIỆN | | | | | | |
| 1 | Thủy điện Buôn Tua Srah | BVTC | 195/HĐ-ATĐ5-P2 | 17/01/06 | 06/2008 | 6.624 | 1.623 |
| 2 | Thủy điện Ea Krông H' năng | BVTC | 03/07/HĐT V/S3-PECC4 | 21/05/07 | 08/2008 | 3.949 | 3.430 |
| 3 | Thủy điện Nho Quế 1 | TTKT, BVTC | 49/HĐKT | 16/07/07 | 06/2008 | 10.388 | 4.230 |
| 4 | Thủy điện Srêpok 4 | BVTC | 130/2007/H Đ-ĐH-TV4 | 21/12/07 | 2008 | 3.768 | 3.000 |
| 5 | Thủy điện Nậm Mức | TKKT BVTC | 06NM-TV4-KH&ĐT | 28/11/07 | 28/04/08 | 15.641 | 13.000 |
| 6 | Thủy điện Pờ Ê | TKKT | 09/07/HĐT V | 05/11/07 | 12/2008 | 4.400 | 4.400 |
| 7 | Thủy điện La Ngâu | TKKT | 07/2007/HĐ TV/LHC-KH | 02/11/07 | 04/2008 | 10.482 | 9.701 |
| 8 | Thủy điện Đa Krông 1 | DAĐT | 05A/2007/H ĐTV | 01/10/07 | 08/2008 | 2.100 | 2.100 |
| 9 | Thủy điện Đá Đen | BVTC | 23/HĐXD | 22/08/07 | 04/2008 | 2.000 | 800 |
| 10 | Thủy điện Đak Psi 2B | DAĐT | 0911/2007/ TVĐ4/HĐĐ V | 2007 | 05/2008 | 2.919 | 2.413 |
| 11 | Thủy điện Đăk Ple | DAĐT | 06/2007/HĐ DV | 19/10/07 | 2008 | 1.500 | 1.500 |
| 12 | Thủy điện Khánh Thượng | DAĐT | 01/2007/HĐ DV | 09/10/07 | 2008 | 2.600 | 2.600 |
| 13 | Thủy điện Nậm Mô | DAĐT | 05/2008/HĐ TV | 10/03/2008 | 07/2008 | 3.805 | 3.425 |
| 14 | Thủy điện Bàn Uôn | TTKT | Đang thương thảo hợp đồng | | | 20.371 (Dự kiến) | |
| 15 | Thủy điện Nho Quế 2 | TTKT, BVTC | Đang thương thảo hợp đồng | | | 10.362 (Dự kiến) | |

| TT | Tên công trình | Bước thực hiện | Số hợp đồng | Ngày ký | Thời gian hoàn thành | Giá trị hợp đồng | Giá trị sắp nghiệm thu |
|------------|---|----------------|---------------------------|------------|----------------------|--------------------|------------------------|
| 16 | Thủy điện Sông Tranh 3 | TKKT | Đang thương thảo hợp đồng | | | 8.732 (Dự kiến) | |
| 17 | Thủy điện Tr'Hy | TKKT | Đang thương thảo hợp đồng | | | 6.526 (Dự kiến) | |
| 18 | Thủy điện Thác Cá | TKKT | Đang thương thảo hợp đồng | | | 3.600 (Dự kiến) | |
| 19 | Thủy điện Ken Lút Hạ | DADT | Đang thương thảo hợp đồng | | | 1.870 (Dự kiến) | |
| 20 | Thủy điện Khe Nghi | DADT | Đang thương thảo hợp đồng | | | 2.850 (Dự kiến) | |
| 21 | Cộng | | | | | | <u>52.222</u> |
| I.2 | NHIỆT ĐIỆN | | | | | | |
| 1 | Quy hoạch tổng thể TTND Bình Định | Quy hoạch | 01/2008/EV N-TVĐ4-P3 | 09/01/08 | 12/02/08 | 4.312 | 4.096 |
| 2 | Quy hoạch tổng thể TTND Sông Hậu | Quy hoạch | C442 C74200 | 30/10/07 | 31/12/08 | 2.208 | 2.098 |
| 3 | Quy hoạch tổng thể TTND Cam Ranh | Quy hoạch | 05A/2007/T VĐ4-KH | 20/09/07 | 25/12/07 | 3.513 | 3.337 |
| | Cộng | | | | | | <u>9.531</u> |
| II | LUỚI ĐIỆN | | | | | | |
| 1 | Đường dây 500kV Quảng Ninh – Mông Dương | TKBVTC | 36/EVN-AMB-P2 | 06/01/2005 | 12/2008 | 3.000 | 2.700 |
| 2 | Đường dây 220kV Quảng Ngãi – Quy Nhơn | DADT | 40/2007/EV N-AMT-KH | 25/07/2007 | 08/2008 | 2.570 | 2.313 |
| 3 | Đường dây 220kV Vĩnh Tân – Phan Thiết | DADT | 95/2007/EV N-AMT-KH | 12/12/2007 | 08/2008 | 5.300 | 4.770 |
| 4 | Đường dây 220kV Phan Thiết – Bà Rịa | DADT | 96/2007/EV N-AMT-KH | 12/12/2007 | 05/2008 | 7.820 | 7.038 |
| 5 | TBA 500kV Đăk Nông và Nhánh rẽ | TKBVTC | 01/2006/EV N-TVĐ4-P3 | 03/01/2006 | 12/2008 | 3.497 | 3.147 |
| 6 | Dự án thành phần cấp điện các thôn buôn chưa có điện tỉnh Đăk | TKBVTC | 385/12/07/Đ L3/DANT-KH | 25/12/2007 | 10/04/2008 | 6.632 | 5.967 |

| TT | Tên công trình | Bước thực hiện | Số hợp đồng | Ngày ký | Thời gian hoàn thành | Giá trị hợp đồng | Giá trị sắp nghiệm thu |
|------------|--|----------------|--------------------|------------|----------------------|------------------|------------------------|
| | Lăk | | | | | | |
| 7 | Trạm biến áp 500kV Thạch Mỹ | DAĐT | 72/07/HĐ-AMT-KH | 26/11/2007 | 03/2008 | 3.445 | 3.100 |
| | Công | | | | | | <u>29.035</u> |
| III | TƯ VẤN GIÁM SÁT | | | | | | |
| 1 | Thủy điện An Khê Knak | GSTCXD | 168/HĐ-ATĐ7-P2K | 22/01/07 | 2009 | 5.216 | 4.000 |
| 2 | Thủy điện Sông Ba Hạ | GSTCXD | 103/EVN-ATĐ3-2H | 14/01/05 | 12/2008 | 2.205 | 800 |
| 3 | Thủy điện Đa Khai | GSTCXD | 1009/HĐKT-TĐ | 18/10/05 | 03/2008 | 1.200 | 900 |
| 4 | Thủy điện Srêpok 3 | GSTCXD | 3496/HĐ-ATĐ5-P2 | 27/12/05 | | 6.978 | 4.186 |
| 5 | ĐD 220kV Vĩnh Tân – Tháp Chàm | GSTCXD | 08/2008/EVN-AMT-KH | 16/02/2008 | 09/2008 | 3.765 | 3.389 |
| 6 | TBA 220kV Tháp Chàm và các đường dây đầu nối | GSTCXD | 09/2008/EVN-AMT-KH | 16/02/2008 | 09/2008 | 4.028 | 3.625 |
| | Công | | | | | | <u>16.900</u> |
| | TỔNG CỘNG | | | | | | <u>107.688</u> |

(Nguồn: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4)

Ghi chú: Tổng giá trị các hợp đồng đang thương thảo là 54.311 triệu đồng.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn đã thu thập các thông tin, tiến hành các đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4 cũng như xem xét lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động. Căn cứ trên năng lực hiện tại và triển vọng phát triển trong tương lai của Công ty, SSI nhận thấy kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty có tính khả thi nếu không có những biến động ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của doanh nghiệp. Công ty đưa ra tỷ lệ cổ tức tăng dần qua các năm, dự kiến 13,5% năm 2007 (tương đương 5,625%/5 tháng cuối năm hoạt động là công ty cổ phần), 14% năm 2008, 15% năm 2009, 17% năm 2010.

Những nhận xét trên chỉ mang tính tham khảo mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán.

16. Các thông tin, các tranh chấp, kiện tụng liên quan đến Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết

Công ty không có các tranh chấp, kiện tụng có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán niêm yết.

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT**1. Loại chứng khoán**

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số chứng khoán niêm yết

2.750.000 cổ phiếu

4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết

Tổng số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng: 1.566.800 cổ phần, trong đó:

Cổ đông sáng lập

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: **1.559.300 cổ phần**

Quy định về hạn chế chuyển nhượng: Trong thời hạn ba (03) năm, kể từ ngày Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 4 được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (01/08/2007), cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của Công ty. Hạn chế chuyển nhượng này sẽ hết hiệu lực sau ngày 01/08/2010.

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật khi thực hiện niêm yết: **58.300 cổ phần**

Quy định về hạn chế chuyển nhượng: Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.

Bảng 23: Chi tiết về cổ phần hạn chế chuyển nhượng

| Stt | Họ và tên | Chức danh | SL CK sở hữu (CP) | SL CK hạn chế chuyển nhượng theo NĐ 14/2007/NĐ-CP | | SL CK chuyển nhượng có điều kiện của cổ đông sáng lập theo Luật doanh nghiệp (CP)(*) |
|-----|---|-------------------------|-------------------------------------|---|--|--|
| | | | | SL CK cam kết nắm giữ trong 6 tháng (CP) | SLCK cam kết nắm giữ trong vòng 1 năm (CP) | |
| 1 | Tập đoàn điện lực VN Người đại diện: - Ô. Phạm Minh Sơn - Ô. Nguyễn Thái Sơn | | 1.508.500 825.000 683.500 | | | 1.508.500 825.000 683.500 |
| 2 | Phạm Minh Sơn | CT HĐQT, CĐ sáng lập | 20.200 | 20.200 | 10.100 | 20.200 |
| 3 | Ô. Nguyễn Thái Sơn | TVHĐQT | 1.500 | 1.500 | 750 | |
| 4 | Trần Văn Thọ | TVHĐQT, CĐ sáng lập | 5.000 | 5.000 | 2.500 | 5.000 |
| 5 | Ô. Văn Công Minh | Phó TGD, CĐ sáng lập | 9.100 | 9.100 | 4.550 | 9.100 |
| 4 | Ô. Trần Hoài Nam | Phó TGD, CĐ sáng lập | 4.400 | 4.400 | 2.200 | 4.400 |
| 5 | Ô. Vũ Thành Danh | KTT, cổ đông sáng lập | 12.100 | 12.100 | 6.050 | 12.100 |
| 6 | Bà Bùi Việt Hà | Trưởng BKS | 4.800 | 4.800 | 2.400 | |
| 7 | Bà Nguyễn Minh Hằng | TV BKS | 1.200 | 1.200 | 600 | |
| 8 | Nguyễn Duy Quốc Việt | TV BKS | 0 | 0 | 0 | |
| | Tổng cộng | | 1.566.800 | 58.300 | 29.150 | 1.559.300 |

Ghi chú:

Hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập sẽ hết hiệu lực sau ngày 01/08/2010.

5. Phương pháp tính giá

Giá trị sổ sách của cổ phiếu được tính theo công thức:

= (Vốn chủ sở hữu - Quỹ khen thưởng, phúc lợi)/Tổng số cổ phiếu đang lưu hành

Tại thời điểm 31/12/2007, giá trị sổ sách của cổ phiếu Công ty là:

$(39.431.589.060 - 6.194.936.394)/2.750.000 = 12.086$ đồng/cổ phiếu

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Căn cứ theo Quyết định số: 238/2005/QĐ-TTg ngày 29/09/2005 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam, các tổ chức, cá nhân nước ngoài được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4 được đăng ký niêm yết tại Trung tâm giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

7. Các loại thuế có liên quan

Thuế thu nhập doanh nghiệp: Công ty đang thực hiện đóng thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 28%/năm.

Thuế giá trị gia tăng: Công ty tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT**1. Tổ chức kiểm toán****Công ty Kiểm toán Việt Nam**

✓ Số 8 Phạm Ngọc Thạch, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 8524123

Fax: (84.4) 8524143

Công ty THHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)**1. Trụ sở chính**

✓ Số 229 Đồng Khởi, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 8272295

Fax: (84.8) 8272300

2. Chi nhánh ở Hà Nội

✓ Số 877 Hồng Hà, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 9324133

Fax: (84.4) 9324113

3. Chi nhánh ở Nha Trang – Khánh Hòa

✓ Địa chỉ: 18 Trần Khánh Dư, Thành phố Nha Trang - tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại: (84.58) 876 555

Fax: (84.58) 875 327

4. Chi nhánh ở Cần Thơ

✓ Địa chỉ: 162C/4 Trần Ngọc Quế, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

Điện thoại: (84.71) 764995

Fax: (84.71) 764996

2. Tổ chức tư vấn**Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)**

➤ *Trụ sở chính*

Số 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 8242897 Fax: (84.8) 8247430

Email: ssi@ssi.com.vn Website: www.ssi.com.vn

➤ Chi nhánh Nguyễn Công Trứ - Công ty Chứng khoán Sài Gòn

180-182 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 821567 Fax: (84.8) 2910590

➤ Chi nhánh Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội

1C Ngô Quyền – Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT: (84.4) 9366321 Fax: (84.4) 9366311

➤ Chi nhánh Trần Bình Trọng – Công ty Chứng khoán Sài Gòn

25 Trần Bình Trọng – Hoàn Kiếm – Hà Nội

ĐT: (84.4) 9426718 Fax: (84.4) 9426719

➤ Chi nhánh Hải Phòng - Công ty Chứng khoán Sài Gòn

22 Lý Tự Trọng - quận Hồng Bàng - Hải Phòng

ĐT: (84.31) 3569123 Fax: (84.31) 3569130

VII. PHỤ LỤC

- **Phụ lục 1:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; bản sao hợp lệ giấy phép hoạt động điện lực
- **Phụ lục 2:** Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường thông qua việc sửa đổi Điều lệ; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty
- **Phụ lục 3:** Các báo cáo tài chính kiểm toán năm 2005 và năm 2006; Báo cáo tài chính kiểm toán 7 tháng đầu năm 2007 và báo cáo tài chính 5 tháng cuối năm 2007.
- **Phụ lục 4:** Sơ yếu lý lịch thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Ban Kiểm soát
- **Phụ lục 5:** Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua niêm yết;
- **Phụ lục 6:** Sổ đăng ký cổ đông
- **Phụ lục 7:** Cam kết nắm giữ của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Ban Kiểm soát
- **Phụ lục 8:** Cam kết của cổ đông nội bộ và cổ đông lớn không chuyển nhượng trong quá trình thẩm định hồ sơ
- **Phụ lục 9:** Hợp đồng tư vấn niêm yết.
- **Phụ lục 10:** Giấy ủy quyền nhân viên công bố thông tin và quy trình nội bộ về công bố thông tin
- **Phụ lục 11:** Danh sách thành viên chủ chốt và người có liên quan của tổ chức niêm yết
- **Phụ lục 12:** Các tài liệu khác

Nha Trang, ngày tháng năm 2008

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC**

VĂN CÔNG MINH

PHẠM MINH SƠN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

VŨ THÀNH DANH

BÙI VIỆT HÀ

